



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
AN GIANG PROVINCE PEOPLE'S COMMITTEE

AN GIANG

KẾT NỐI CƠ HỘI, HỢP TÁC THÀNH CÔNG
OPPORTUNITY CONNECTION, SUCCESSFUL COOPERATION



Mục lục *Content*

	Số trang
PHẦN I: LỜI NGỎ - PART I: PREFACE	3
PHẦN II: GIỚI THIỆU CHUNG - PART II: GENERAL INTRODUCTION	4
TỔNG QUAN TỈNH AN GIANG - OVERVIEW OF AN GIANG PROVINCE	6
CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI - SOCIO-ECONOMIC INFRASTRUCTURE	8
TIỀM NĂNG KINH TẾ - ECONOMIC POTENTIAL	12
PHẦN III: CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG PART III: INVESTMENT INCENTIVE POLICIES IN AN GIANG PROVINCE	19
PHẦN IV: DANH MỤC MỜI GỌI HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG PART IV. LIST OF PROJECTS CALLING FOR INVESTMENT IN AN GIANG PROVINCE	28 31





Ông Vương Bình Thạnh,
Chủ tịch UBND tỉnh An Giang

Mr. Vuong Binh Thanh,
Chairman of An Giang
People's Committee

PHẦN I:

Lời ngỏ

Nằm trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh An Giang vừa có đồng bằng vừa có vùng đồi núi với nhiều cảnh quan tươi đẹp; có tuyến biên giới giáp Vương quốc Campuchia dài gần 100 km với các cửa khẩu quốc tế, quốc gia, thuận tiện cả đường thủy lẫn đường bộ. Về mặt địa-kinh tế, An Giang được xem là trung tâm kinh tế thương mại kết nối giữa 3 thành phố lớn: thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ và thành phố Phnom Penh (Campuchia) và là cửa ngõ giao thương quan trọng của quốc gia, của các tỉnh, thành phố trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, với Vương quốc Campuchia và các nước thành viên ASEAN.

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên phong phú, An Giang có lợi thế trong phát triển kinh tế nông nghiệp; du lịch; công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm; thương mại biên giới.

Nhằm tăng cường thu hút đầu tư khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tỉnh An Giang đã từng bước hoàn thiện qui hoạch phát triển, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phát triển mạnh khoa học, công nghệ, tiếp cận trình độ công nghệ tiên tiến; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, xem đây là ưu tiên hàng đầu để thực hiện các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, nhằm đưa An Giang trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư. An Giang cam kết tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư khi đến đăng ký và triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh.

PART I: Preface

Located in the Mekong Delta, An Giang province has both plain and mountainous areas with beautiful landscapes, sharing a border of nearly 100 km with the Kingdom of Cambodia including many international and national border gates, convenient for both waterway and road. In terms of geo-economics, An Giang is considered an economic and commercial center connecting three major cities: Ho Chi Minh city, Can Tho city and Phnom Penh city (Cambodia) and the important trade gateway of the country, the provinces and cities in the Mekong Delta with the Kingdom of Cambodia and ASEAN member countries.

With favorable natural conditions and abundant natural resources, An Giang has advantages in development of agricultural economics, tourism, food and agricultural product processing industry; border trade.

In order to enhance attracting investment to exploit the potential and strengths of the province, An Giang province has step by step completed development planning, focused on investment in uniform technical infrastructure, developed science and technology, accessed to advanced technology; trained and fostered high-quality human resources, improved the investment and business environment, and raised the competitive capability as a top priority for implementing objectives of the economic development plan to make An Giang become one of the attractive destinations of investors. An Giang is committed to create the most favorable conditions for investors who register and carry out projects in the province.



PHẦN II: GIỚI THIỆU CHUNG

PART II: GENERAL INTRODUCTION

1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ:

An Giang nằm ở phía Tây Nam của Việt Nam, là tỉnh đầu nguồn sông Cửu Long, phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp, Đông Nam giáp thành phố Cần Thơ, phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang và Tây Bắc giáp Campuchia; cách thành phố Hồ Chí Minh 190km, cách thành phố Phnom Penh – Campuchia 120 km.

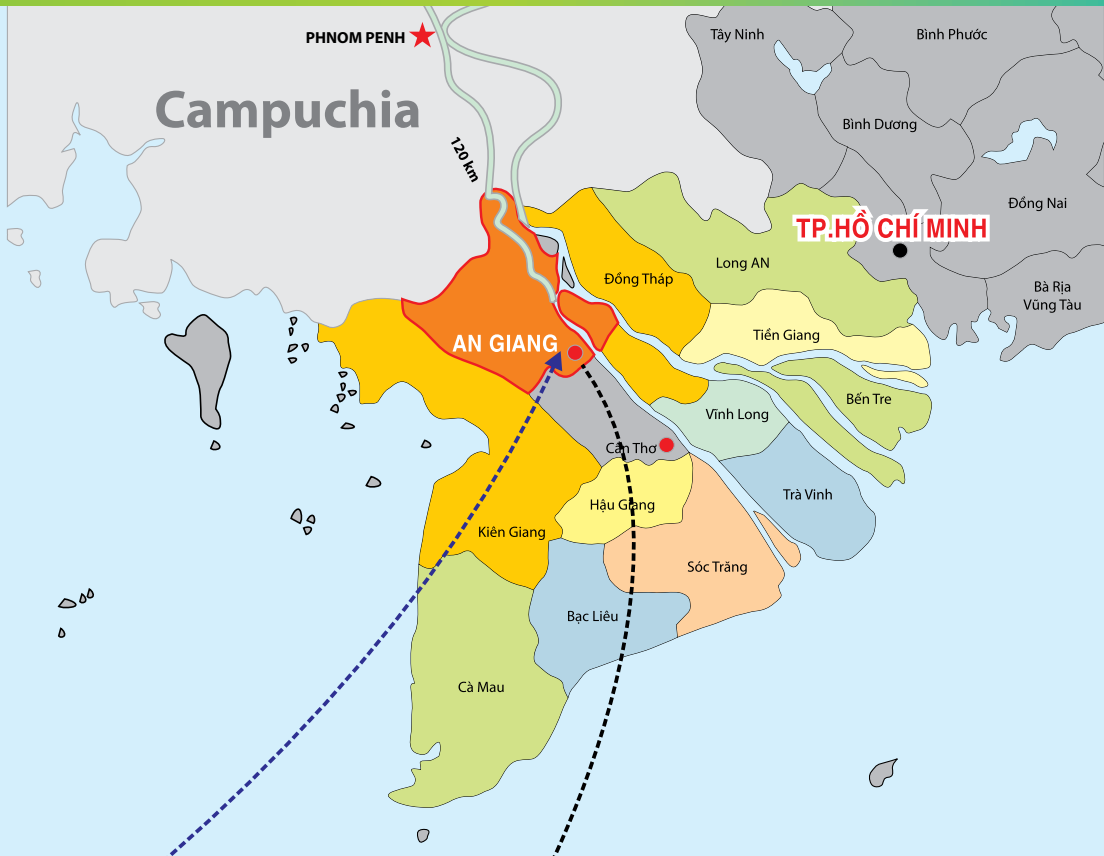
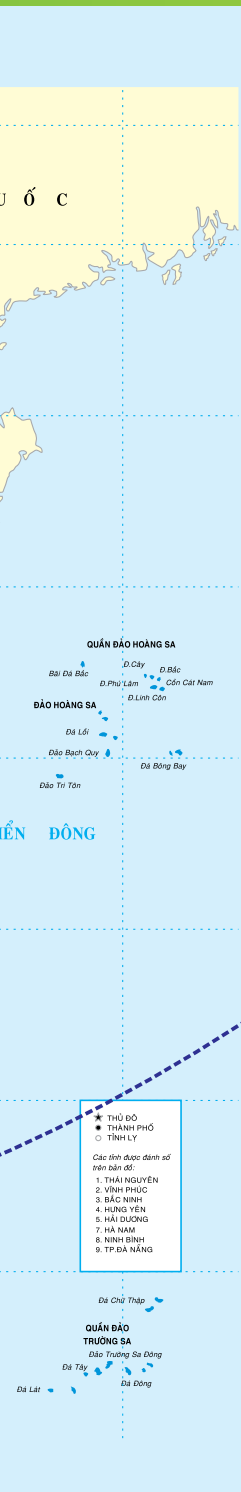
Tỉnh An Giang có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 02 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện. Trong đó, thành phố Long Xuyên tỉnh lỵ của An Giang.

1. Geographical location

An Giang is located in the Southwestern part of Vietnam. It is the upstream province of Mekong River. It is adjacent to Dong Thap Province in the East, Can Tho city in the Southeast and Kien Giang province in the West and Cambodia to the Northwest. It is about 190km far from An Giang to Ho Chi Minh city, and 120km to Phnom Penh, Cambodia.

An Giang province has 11 administrative units, including 02 cities, 01 town and 08 districts. Among them, Long Xuyen city is provincial capital of An Giang.







2. TỔNG QUAN TỈNH AN GIANG (dữ liệu năm 2017)

DIỆN TÍCH

3.537
km²

LỰC LƯỢNG
LAO ĐỘNG

1.230.000
người

Kim ngạch
xuất khẩu:

820
triệu USD

DÂN SỐ

2,163
triệu dân

TỶ LỆ
LAO ĐỘNG
QUA ĐÀO TẠO

56,6%

THU NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC TỪ
KINH TẾ ĐỊA BÀN:

5.930
tỷ đồng

TỐC ĐỘ
TĂNG TRƯỞNG
GRDP

5,11%

TỔNG SỐ
DOANH NGHIỆP
ĐĂNG KÝ TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH

8.568 DN
SỐ VỐN ĐĂNG KÝ:
49.297
tỷ đồng

Tổng vốn
đầu tư toàn xã hội:

26.192
tỷ đồng

GRDP
BÌNH QUÂN
ĐẦU NGƯỜI

34,333
triệu đồng

ĐẦU TƯ
TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI:

37 dự án còn hiệu lực,
tổng vốn đăng ký
đầu tư: **260**
triệu USD

2. Overview of An Giang province (Data in 2017)

AREA

3,537
km²

LABOR FORCE

1,230,000
people

EXPORT
TURNOVER:

820
million USD

POPULATION

2.163
million
people

RATE OF
TRAINED WORKERS

56.6%

STATE BUDGET
REVENUES
FROM THE LOCAL
ECONOMY:

5,930
VND billion

GRDP
GROWTH RATE

5.11%

Total number of
enterprises registered
in the province:

8,568 enterprises:
Registered capital:
49,297
VND billion

Total
investment
capital:

26,192
VND billion

GRDP PER
CAPITA

34.333
VND million

Foreign direct
investment:

37 projects in valid, total
registered investment
capital: **260**
million USD





3. CƠ SỞ HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

3. Socio-economic infrastructure

3.1 Hệ thống giao thông tỉnh An Giang

3.1. Transport infrastructure of An Giang Province

- Công trình cầu, cảng

+ Cầu Vàm Cống đang xây dựng (dự kiến đưa vào sử dụng trong cuối năm 2018), dài 2.037m nối liền hai bờ An Giang và Đồng Tháp sẽ rút ngắn 01 giờ thời gian từ thành phố Hồ Chí Minh đến An Giang.

+ Cảng Mỹ Thới (cách trung tâm thành phố Long Xuyên 10km): có khả năng tiếp nhận loại tàu 10.000 tấn, hàng năm tiếp nhận hàng hóa trên 1,5 triệu tấn.

- Đường bộ

- Đường bộ: Hệ thống giao thông đường bộ được nhựa hóa và bê tông hóa, đảm bảo 100% xã có đường ô tô đến trung tâm.

Trên địa bàn tỉnh có các tuyến quốc lộ đi ngang qua là: Quốc lộ 91, Quốc lộ 91C, Quốc lộ N1 và Quốc lộ 80. Trong đó, Quốc lộ 91 có chiều dài 91 km nối với Quốc lộ 2 của Campuchia qua cửa khẩu Tịnh Biên; Quốc lộ 91C nối thành phố Châu Đốc với cửa khẩu Khánh Bình (cách thủ đô Phnom Penh - Campuchia) khoảng 70 km. Tỉnh lộ có 14 tuyến với tổng chiều dài 404 km.

- Đường thủy

- Đường thủy: Sông Tiền (chảy qua địa phận tỉnh 87km) và sông Hậu (qua địa phận tỉnh 100 km) là hai con sông quan trọng nối An Giang và Đồng bằng sông Cửu Long với các nước Campuchia, Lào, Thái Lan. Ngoài ra, mạng lưới kênh cấp 2, cấp 3 đảm bảo các phương tiện từ 50 -100 tấn lưu thông trong tỉnh.

- Đường hàng không

- Đường hàng không: An Giang nằm trong khu vực của Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ với khoảng cách khoảng 50km và cách Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất khoảng 190 km.

- Bridges and ports:

+ Vam Cong bridge is being constructed (expected to put into operation in late 2018) is 2,037m long connecting An Giang and Dong Thap, which will save 01 hour from Ho Chi Minh city to An Giang.

+ My Thoi port (10km far from the center of Long Xuyen city): capable of receiving ships of 10,000 tons, receiving over 1.5 million tons of cargo annually.

- Road:

- Road: The road system is asphalted and concretized, ensuring that 100% of communes have roads to their center.

There are highways passing through An Giang province such as National Highway 91, National Highway N1, National Highway 91C and National Highway 80. Specifically, National Highway 91 has the length of 91 km connecting National Highway 2 of Cambodia through Tinh Bien border gate; National Highway 91C connects Chau Doc city with Khanh Binh border gate (about 70 km from Phnom Penh capital). There are 14 routes with the total length of 404 km.

- The waterway:

- The waterway: Tien river (flowing through the province about 87km) and Hau river (flowing through the province about 100km) are two important rivers connecting An Giang and the Mekong Delta with Cambodia, Laos and Thailand. In addition, the network of grade 2 and 3 canals ensures the circulation of vehicles from 50-100 tons in the province.

-Airlines:

-Airlines: An Giang is located in the area of Can Tho international airport with distance of about 50km and Tan Son Nhat international airport with distance of about 190 km



3.2 Hệ thống cung cấp điện

3.2. Power supply system

Trên địa bàn tỉnh có 6.097 trạm biến áp với công suất 924.331 KVA, đảm bảo cung cấp nguồn điện cho nhu cầu sinh hoạt, hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn. Định hướng đến năm 2020, An Giang sẽ có 8.057 trạm biến áp với công suất 1.384.331 KVA.

In the province, there are 6,097 transformer stations with a capacity of 924,331 KVA, ensuring the supply of electricity for domestic demand, production and business activities of enterprises in the locality. It is oriented to 2020 that An Giang will have 8057 transformer stations with a capacity of 1,384,331 KVA.



3.3 Hệ thống cung cấp nước

3.3. Water supply system

Toàn tỉnh có 198 công trình cung cấp nước sạch với tổng công suất 194.282 m³/ngày đêm, đáp ứng 97,58% nhu cầu sử dụng.

The whole province has 198 water supply plants with the total capacity of 194,282 m³/day, meeting 97,58% of the demand.

Tổng
công suất
194.282
m³/ngày đêm

Đáp ứng
97,58%
nhu cầu sử dụng

3.4 Hạ tầng bưu chính - viễn thông

3.4. Post and telecommunication infrastructure



Mạng thông tin- viễn thông của An Giang hiện đại, đảm bảo kết nối thông suốt đến các tỉnh, thành trong nước và quốc tế. Tính đến cuối tháng 12 năm 2017, số thuê bao internet ước có trên mạng trên địa bàn tỉnh là 645.918 thuê bao; tổng số điểm giao dịch thông tin di động: 132 điểm; tổng số trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS): 2.989 trạm.

Information and telecommunication network of An Giang is modern, ensuring smooth connection to the provinces and cities in the country and internationally. By the end of December 2017, the number of internet subscribers in the province is estimated at 645,918; total number of mobile transaction points: 132 points; total number of mobile stations: 2,989.



3.5 Nguồn nhân lực:

Tổng số lao động sẵn có khoảng: 1.230.000 người; trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 56,6%. Trên địa bàn tỉnh có Trường Đại học An Giang (đang thực hiện các bước thủ tục để trở thành thành viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh) đào tạo đa ngành, là một trong những trung tâm đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hiện Trường Đại học An Giang đang đào tạo 10.566 sinh viên chính quy trong đó khoa Công nghệ thông tin có 746 sinh viên (chiếm tỷ lệ 7,06%). Bên cạnh đó còn có hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp, trường nghề, trung tâm dạy nghề tại các địa phương trong tỉnh.

3.5. Labor force: Total available labor force 1,230,000 people; the percentage of trained workers is 56.6%. An Giang University in the province (in the process of becoming a member of the National University Ho Chi Minh city) has diversified training courses, is one of the centers for training and supplying human resources for the Mekong Delta. At present, An Giang University is training 10,566 full-time students, of which 746 students are in the Faculty of Information Technology (7.06%). Besides, there is a system of professional intermediate schools, vocational schools, vocational centers in the province.



3.6 Hệ thống ngân hàng

Trên địa bàn tỉnh hiện có 61 tổ chức tín dụng với 352 điểm giao dịch. Hầu hết các ngân hàng lớn trong nước đã có mặt tại An Giang, đáp ứng nhu cầu về vốn sản xuất, kinh doanh, và cung cấp đầy đủ các dịch vụ ngân hàng. Tính đến cuối năm 2017, tổng dư nợ của các ngân hàng trên địa bàn tỉnh là 60.972 tỷ đồng.

3.6. Banking system

There are 61 credit institutions in the province with 352 transaction points. Most of the major banks in the country are present in An Giang, meeting the demand for production and business capital, and providing full range of banking services. By the end 2017, total outstanding loans of banks in the province are VND 60,972 billion.

4. TIỀM NĂNG KINH TẾ

ECONOMIC POTENTIAL

4.1 Nông nghiệp - Thủy sản

4.1 Agriculture - Aquaculture

Nằm ở thượng nguồn sông Cửu Long, nước ngọt quanh năm, đất đai màu mỡ, An Giang là tỉnh sản xuất nông nghiệp trọng điểm của cả nước.

Located in the upstream of the Mekong River with fresh water around the year, fertile land, etc. An Giang is the key agricultural production province of the country.

- **Lúa, gạo:** là sản phẩm nông nghiệp chủ lực của An Giang với diện tích canh tác trên 250 ngàn ha, sản xuất 3 vụ với hệ số sử dụng đất là 2,43 lần; sản lượng lúa đạt khoảng 3,89 triệu tấn/năm; giống lúa có trên 35 loại, trong đó giống có chất lượng cao chiếm 70-80%. Mô hình cánh đồng lớn đang được trồng 22.000 ha và phát huy hiệu quả, nhân rộng để tiến tới sản xuất lớn. Cơ giới hóa nông nghiệp trong các khâu làm đất, tưới tiêu, thu hoạch trên 60% diện tích.

- **Rau màu:** là loại cây trồng có thế mạnh của An Giang với diện tích khoảng 58.549 ha, sản lượng thu hoạch trên 01 triệu tấn/năm. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành các vùng chuyên canh trồng: bắp, đậu phộng, đậu xanh, mè đen, khoai môn, đậu bắp...Hiệu quả kinh tế mang lại từ trồng rau màu khá cao.

- **Cây ăn trái:** Diện tích gần 13,6 ngàn ha, chủ yếu là: xoài (sản lượng gần 125,5 ngàn tấn), chuối (sản lượng 33,7 ngàn tấn/năm), cam (sản lượng 445 tấn/năm), quýt (sản lượng 877 tấn/năm)...Trong đó, xoài được xác định là cây ăn quả chủ lực của tỉnh được định hướng phát triển sản xuất và liên kết tiêu thụ. Hiện nay, một số loại xoài đặc sản được trồng nhiều tại các huyện Tịnh Biên, Chợ Mới và thị xã Tân Châu. Với đặc điểm di truyền, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng đặc biệt nên sản phẩm xoài An Giang khi chín có các đặc tính khác biệt, thịt quả có màu vàng, thơm ngon và ngọt.



- **Rice:** as the main agricultural product of An Giang, with an area of over 250,000 hectares, producing 3 crops with a land use coefficient of 2.43 times; rice output of 3.89 million tons/year; There are more than 35 varieties of rice, including 70-80% of high quality varieties. The large field model is being planted in the area of 22,000 hectares and promoting efficiency and replicated to forward big production. Agricultural mechanization is carried out in land preparation, irrigation, harvesting over 60% of the area.

- **Vegetables and crops:** as the strongest plants of An Giang, with an area of 58,549 hectares, yields of over 01 million tons/year. In the province, specialized cultivation areas have been established for growing corn, peanut, green bean, black sesame, taro, okra, etc. The economic efficiency of growing vegetables and crops is quite high.

- **Fruit trees:** The area of fruit trees is nearly 13.6 thousand hectares, mainly including mango (125.5 thousand tons/ year), banana (33.7 thousand tons/ year), orange (445 tons/year), tangerine (877 tons/ year), etc. In which, mango is identified as the main fruit tree of the province and oriented to develop production and connect consumption. Currently, some specialty mangos are grown in Tinh Bien, Cho Moi districts and Tan Chau town. With genetic characteristics, special climate and soil conditions, An Giang mango products have different characteristics with nice yellow and delicious and sweet taste.



- Thủy sản: là ngành kinh tế mũi nhọn của An Giang với tổng diện tích thu hoạch trên 2.700 ha/năm, tổng sản lượng đạt trên 379 ngàn tấn/năm, gồm các loại cá tra, basa, lóc, rô, rô phi, tôm càng xanh, lươn... Hình thức nuôi chủ yếu là ao hầm, lồng bè. Có gần 50% diện tích nuôi đạt tiêu chuẩn GlobalGap, ASC... Có khoảng trên 90% sản lượng nuôi được đưa vào chế biến xuất khẩu. Trong đó, cá tra, cá ba sa được xác định là sản phẩm chiến lược của tỉnh với diện tích nuôi khoảng 1.734 ha, sản lượng đạt trên 287 ngàn tấn/năm. Đây là nguồn nguyên liệu dồi dào đáp ứng nhu cầu chế biến xuất khẩu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang và các tỉnh lân cận.



Tỉnh có 17 doanh nghiệp với 23 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, với tổng công suất thiết kế lên đến 400.000 tấn/năm, trong đó tổng công suất chế biến hàng giá trị gia tăng là 5.000 tấn. Cơ sở chế biến có khoảng 100 cơ sở chế biến khô các loại, với công suất tiêu thụ nguyên liệu thô trung bình 30.000 tấn/năm.



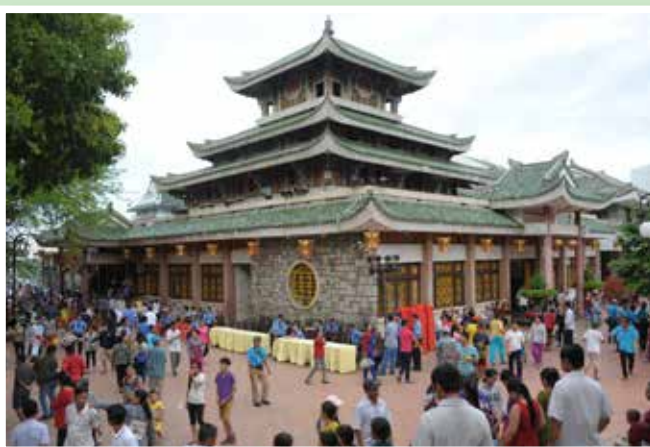
- **Aquaculture:** as the key economic sector of An Giang with the total harvested area of over 2,700 hectares/ year, the total output is over 379 thousand tons/year, including pangasius, basa fish, snakehead fish, Yellow perch fish, tilapia, crayfish, eel, etc. The main forms of farming are ponds, cages. Nearly 50% of farming area meets GlobalGap standards, ASC, etc. More than 90% of production is put into processing for export. In particular, Pangasius is identified as a strategic product of the province with an area of about 1,734 hectares, output of over 287 thousand tons/year. This is a good source of raw materials to meet the export processing needs of enterprises in An Giang province and neighboring provinces.



The province has 17 enterprises with 23 seafood processing factories for export, with a total designed capacity of 400,000 tons/year, of which the total processing capacity of value added products is 5,000 tons. There are about 100 dry-processing establishments with average raw material consumption of about 30,000 tons/year.

4.2 Du lịch

4.2 Tourism:





An Giang có đồng bằng, đồi núi với hệ sinh thái môi trường phong phú, có dãy Thất Sơn huyền bí, cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp, hữu tình, nhiều danh thắng nổi tiếng, sản phẩm du lịch phong phú, đa dạng, như: du lịch tham quan, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch thể thao, vui chơi giải trí, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, du lịch tâm linh (tín ngưỡng). An Giang có sức hút rất lớn với du khách trong và ngoài nước. Trong năm 2017, An Giang đã đón 7,3 triệu lượt khách, doanh thu từ du lịch đạt 3.700 tỷ đồng.

-Loại hình du lịch gắn với văn hóa tín ngưỡng, lễ hội: là sản phẩm du lịch đặc trưng của An Giang. Đó là Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam (thành phố Châu Đốc), Lễ Dolta và đua bò của người Khmer ở huyện Tịnh Biên và huyện Tri Tôn, Lễ hội mùa nước nổi Búng Bình Thiên (huyện An Phú), Lễ hội văn hóa dân tộc Chăm, Lễ khai sáng Phật giáo Hòa Hảo (huyện Phú Tân), các lễ giỗ danh nhân (Trần Văn Thành, Nguyễn Hữu Cảnh, Thoại Ngọc Hầu...).

-Loại hình du lịch gắn với hệ sinh thái sông, núi, rừng và đồng quê: Đến An Giang, du khách sẽ thích thú khi trải nghiệm các tour du lịch trên sông Hậu tham quan làng bè; tour du lịch trên sông Tiền tham quan cù lao Giêng, làng lụa Tân Châu; tour tham quan rừng tràm Trà Sư, vùng Thất Sơn; tour du lịch homestay đồng quê tại cù lao Ông Hổ, cù lao Giêng; tour tham quan Búng Bình Thiên...

-Cộng đồng dân tộc Kinh, Hoa, Chăm, Khmer ở An Giang có những nét văn hóa rất phong phú và đa dạng. Khám phá, tìm hiểu đời sống văn hóa của cư dân, nhất là các làng nghề truyền thống (rèn, dệt, đan lát lục bình; sản xuất đường thốt nốt, bánh phồng) và thưởng thức các loại hình văn hóa đặc sắc của các dân tộc như hát dù kê, múa trống, múa chèo của người Khmer; hát dân ca, múa trống Paranung, kèn Saranai của người Chăm... cũng là sản phẩm du lịch đặc sắc của An Giang.

-An Giang còn hấp dẫn du khách với nhiều loại đặc sản truyền thống nổi tiếng được chế biến từ các loại nông, thủy sản tự nhiên như: mắm Châu Đốc, các loại khô và các món ẩm thực như bánh phồng, cá linh, xôi chiên phồng làm từ lúa nếp, gỏi sấu đầu, gà hấp lá trúc, bọ rày Bảy Núi, bánh bò đường thốt nốt, lạp xưởng bò...

Du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Ngành du lịch An Giang đã và đang từng bước xây dựng hình ảnh thân thiện với du khách, nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng và đa dạng sản phẩm phục vụ du lịch kết hợp bảo vệ môi trường. Đây cũng là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước khi quan tâm đầu tư phát triển du lịch An Giang.

An Giang has plains, hills and mountains with diversified environmental ecosystems, the mysterious That Son range, beautiful natural landscape, charming scenery, many famous tourism attractions with many tourism products such as sightseeing tours, resorts, ecotourism, sports tourism, recreation, community tourism, cultural tourism, spiritual tourism (belief). An Giang is very attractive to both domestic and international. In 2017, An Giang welcomed 7.3 million visitors, revenue from tourism reached VND 3,700 billion.

-Type of tourism associated with belief culture, festivals is a typical tourism product of An Giang. It includes Sam Mount Lady Festival (Chau Doc City), Dolta Ceremony and Ox Racing Festival of Khmer in Tinh Bien and Tri Ton district, Bung Binh Thien season cultural festival (An Phu district), Cham ethnic cultural festival, Hoa Hao Day of Initiation (Phu Tan district), death anniversaries of famous people (Tran Van Thanh, Nguyen Huu Canh, Thoai Ngoc Hau, etc.)

-Type of tourism associated with the ecosystem of rivers, mountains, forests and countryside: Coming to An Giang, tourists will enjoy the experience of tours on the Hau river to visit floating villages; tours on the Tien river to visit Gieng island, Tan Chau silk village; tours visiting Tra Su mangrove forest, That Son range; countryside homestay tours in Tiger island and Gieng island; tours to Bung Binh Thien, etc.

-The Kinh, Chinese, Cham, Khmer ethnic groups in An Giang have very rich and diversified cultural features. Exploring and learning the cultural life of the residents, especially the traditional craft villages (forging, weaving, knitting products from water hyacinth, producing palm sugar, puffs) and enjoying the special cultural forms of ethnic groups such as Du Ke singing, drum playing, Yak Rom Khmer krom; folk songs; Paranung drum playing, Saranai trumpet playing of Cham people, etc. are also excellent tourist products of An Giang.

-An Giang also attracts tourists with many kinds of traditional specialties made from various kinds of agricultural and natural products such as Chau Doc fish sauce, dried foods and cuisine such as Linh fish puffs, fried sticky rice, Neem salad, chicken steamed bamboo leaves, Bay Nui cockchafer, palm sugar foam cake, cow china sausage, etc.

Tourism is also identified as a key economic sector of the province. An Giang Tourism has been gradually developing a friendly image to tourists, improving the quality of services, investing in improving infrastructure and diversifying products of tourism in combination with environmental protection. This is also a great opportunity for domestic and foreign enterprises to invest in developing An Giang tourism.

4.3 Thường mại - dịch vụ

4.3 Trade - Services:



- **Nội thương:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2017 đạt 94.967 tỷ đồng.

- **Xuất khẩu:** Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 820 triệu USD.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu:

+ **Gạo:** 430.000 tấn; kim ngạch xuất khẩu đạt: trên 209 triệu USD.

Thị trường: xuất khẩu trực tiếp qua 56 nước (15 nước châu Á, 10 nước châu Âu, 15 nước châu Phi, 12 nước châu Đại Dương, 4 nước châu Mỹ).

+ **Thủy sản:** xuất khẩu trên 300 ngàn tấn; kim ngạch xuất khẩu đạt: 255 triệu USD.

Thị trường: xuất khẩu trực tiếp qua 76 nước (31 nước châu Á, 21 nước châu Âu, 17 nước châu Mỹ, 4 nước châu Phi, 3 nước châu Đại Dương).

+ **Rau quả:** xuất khẩu đạt 8.581 ngàn tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt: 13.71 triệu USD.

+ **Hàng may mặc:** xuất khẩu đạt: 81,68 triệu USD.

+ **Hàng hóa khác:** xuất khẩu đạt: 212,5 triệu USD.

- **Nhập khẩu:** đạt 145 triệu USD.

Đến nay, hàng hóa của tỉnh An Giang đã có mặt tại 133 nước, vùng lãnh thổ trên thế giới.

- **Kinh tế biên mậu:** An Giang có 02 cửa khẩu quốc tế là Tịnh Biên và Vĩnh Xương, 02 cửa khẩu chính là Khánh Bình và Vĩnh Hội Đông và 01 cửa khẩu phụ Bắc Đại; toàn tuyến biên giới dài gần 100 km, lưu lượng hàng hóa mua bán trao đổi qua các cửa khẩu biên giới luôn giữ ổn định ở mức cao, nhịp độ tăng trưởng hàng năm gần 30%; nhiều hoạt động giao thương, kết nối thương mại với thị trường Campuchia thường xuyên diễn ra, như: hội chợ quốc tế Tịnh Biên, hội chợ thương mại An Phú, tổ chức chương trình xúc tiến, hợp tác với các doanh nghiệp và nhà phân phối Campuchia thông qua chương trình xúc tiến quốc gia.



Trade: Total retail sales of goods and services in 2017 reached 94,967 VND billion.

- **Export:** Export turnover reached USD 820 million

Main export items:

+ **Rice:** 430,000 tons exported; Export turnover: over USD 209 million.

Market: direct export through 56 countries (15 Asian countries, 10 European countries, 15 African countries, 12 countries of Oceania, 4 countries of the Americas).

+ **Aquatic products:** export volume reached over 130 thousand tons; Export turnover reached USD 255 million.

Market: direct export through 76 countries (31 Asian countries, 21 European countries, 17 countries of the Americas, 4 countries of Africa, 3 countries of Oceania).

+ **Vegetables and crops:** export volume reached 8,581 thousand tons, export turnover reached: USD 13.71 million.

+ **Garment:** export turnover reached: USD 81.68 million.

+ **Others:** USD 212.5 million.

- **Imports:** \$ 145 million.

Currently, goods of An Giang province has been present in 133 countries, territories in the world.

- **Border trade:** An Giang has two international border gates: Tinh Bien and Vinh Xuong, two main border gates: Khanh Binh and Vinh Hoi Dong and one extra border gate Bac Dai; The whole borderline is about 100 km, the flow of goods traded through border gates is always stable at high level, the annual growth rate is nearly 30%; many trade activities, commercial links with the Cambodia market often take place, such as: Tinh Bien international fair, An Phu trade fair, program of trade promotion, cooperation with businesses and supplier of Cambodia through the national promotion program



4.4 Công nghiệp

4.4 Industry



Các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh An Giang là: chế biến lương thực- thực phẩm, thủy sản, cơ khí, may mặc, vật liệu xây dựng...

Trong năm 2017, giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh đạt 36.609,5 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010).

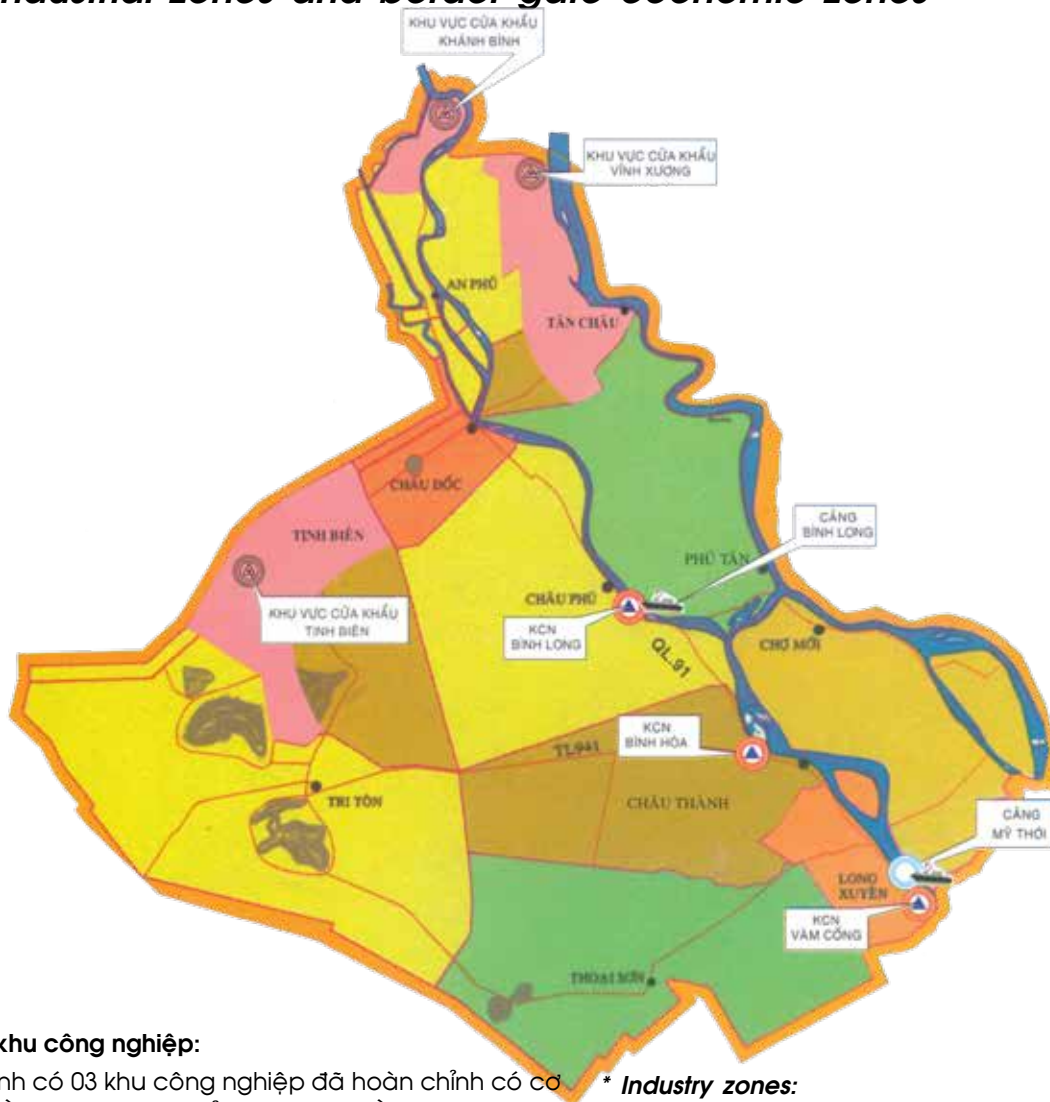
Major industries of An Giang province are: processing food and seafood, mechanics, garment, construction materials, etc.

In 2017, the industrial production value of the province reached VND 36,609.5 billion (comparative price in 2010).



4.5 Các khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu

4.5 Industrial zones and border-gate economic zones



* Các khu công nghiệp:

Toàn tỉnh có 03 khu công nghiệp đã hoàn chỉnh có cơ sở hạ tầng và đưa vào sử dụng bao gồm:

- Khu công nghiệp Bình Hòa (huyện Châu Thành): 132 ha.
- Khu công nghiệp Bình Long (huyện Châu Phú): 30,57 ha.
- Khu công nghiệp Xuân Tô (huyện Tịnh Biên): 57,4 ha.

Các khu công nghiệp mời gọi đầu tư cơ sở hạ tầng gồm:

- Khu công nghiệp Vàm Cống (thành phố Long Xuyên): 200 ha.
- Khu công nghiệp Hội An (huyện Chợ Mới): 120 ha.
- Khu công nghiệp Bình Hòa mở rộng (huyện Châu Thành): 100 ha.
- Khu công nghiệp Bình Long mở rộng (huyện Châu Phú): 120 ha.

* Khu kinh tế cửa khẩu: Gồm 03 khu vực:

- Khu vực cửa khẩu Tịnh Biên (huyện Tịnh Biên): có diện tích tự nhiên khoảng 10.100 ha; cách thủ đô Phnom Penh (Campuchia) khoảng 120 km.
- Khu vực cửa khẩu Vĩnh Xương (thị xã Tân Châu): có diện tích tự nhiên khoảng 12.487 ha; cách thủ đô Phnom Penh khoảng 110 km.
- Khu vực cửa khẩu Khánh Bình (huyện An Phú): có diện tích tự nhiên khoảng 8.140 ha; cách thủ đô Phnom Penh khoảng 75 km.

* Industry zones:

The whole province has 03 industrial zones completed the infrastructure and put into use, including:

- Binh Hoa industrial zone (Chau Thanh district): 132 ha.
- Binh Long industrial zone (Chau Phu district): 30.57 ha.
- Xuan To industrial zone (Tinh Bien district): 57.4 ha.

Industrial zones calling for investment in infrastructure include:

- Vam Cong industrial zone (Long Xuyen city): 200 ha.
- Hoi An industrial zone (Cho Moi District): 120 ha.
- Expanded Binh Hoa industrial zone (Chau Thanh district): 100 ha.
- Expanded Binh Long industrial zone (Chau Phu district): 120 ha.

* Border gate economic zones consist of 03 areas:

- Tinh Bien border gate (Tinh Bien district) has a natural area of about 10,100 ha; it is about 120 km from Phnom Penh (Cambodia).
- Vinh Xuong border gate (Tan Chau town) has a natural area of about 12,487 ha; it is about 110 km from Phnom Penh.
- Khanh Binh border gate (An Phu district): has a natural area of about 8,140 ha; it is about 75 km from Phnom Penh.

PHẦN III. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

PART III. INVESTMENT INCENTIVE POLICIES IN AN GIANG PROVINCE



Tỉnh An Giang có 11 đơn vị hành chính trực thuộc bao gồm 02 thành phố: Long Xuyên và Châu Đốc, 01 thị xã: Tân Châu và 08 huyện, bao gồm: Chợ Mới, Phú Tân, Châu Thành, Châu Phú, Thoại Sơn, Tri Tôn, Tịnh Biên, An Phú.

Theo quy định tại Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư:

- Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh An Giang được quy định như sau:

+ Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: bao gồm các huyện An Phú, Tịnh Biên, Tri Tôn, Thoại Sơn và thị xã Tân Châu.

+ Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: bao gồm các huyện: Châu Thành, Châu Phú, Phú Tân, Chợ Mới và thành phố Châu Đốc.

- Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư: Tham khảo Phục lục I Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Do đó, khi đầu tư tại An Giang, các nhà đầu tư sẽ được hưởng chính sách ưu đãi cao nhất theo quy định hiện hành. Cụ thể:

An Giang province has 11 administrative units, including 02 cities: Long Xuyen and Chau Doc, 01 town: Tan Chau and 08 districts, including Cho Moi, Phu Tan, Chau Thanh, Chau Phu, Thoai Son, Tri Ton, Tinh Bien, An Phu.

Under the regulation of the Government's Decree No. 118/2015 / ND-CP of November 12, 2015 detailing and guiding the implementation of a number of Investment Law's articles:

- The list of areas eligible for preferential investment in An Giang province is stipulated as follows:

+ Areas with extremely difficult socio-economic conditions: including districts of An Phu, Tinh Bien, Tri Ton, Thoai Son, and Tan Chau towns.

+ Areas with difficult socio-economic conditions: including districts of Chau Thanh, Chau Phu, Phu Tan, Cho Moi and Chau Doc city.



- List of industries eligible for preferential investment: Refer to Appendix I of Decree 118/2015/ND-CP of November 12, 2015 of the Government detailing and guiding the implementation of some articles of the Investment Law.

Therefore, when investing in An Giang, investors will have the highest preferential policies according to current regulations. Which are:

I. MIỄN, GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC (áp dụng cho cả khu công nghiệp tập trung của tỉnh)

1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước.

2. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước sau thời gian được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của thời gian xây dựng cơ bản, cụ thể như sau:

a) Ba (3) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư;

b) Bảy (7) năm đối với dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

c) Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

d) Mười lăm (15) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

* **Ghi chú:** Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Đối với các lĩnh vực xã hội hóa:

a) Thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê:

- Tại các địa bàn có điều kiện - xã hội đặc biệt khó khăn (gồm các huyện: Trì Tôn, Tịnh Biên, An Phú, Thoại Sơn và thị xã Tân Châu): được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê.

- Tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (gồm thành phố Châu Đốc và các huyện: Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Phú Tân): được giảm 50% tiền thuê đất.

- Tại địa bàn thành phố Long Xuyên: được giảm 30% tiền thuê đất.

b) Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

- Tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (gồm các huyện: Trì Tôn, Tịnh Biên, An Phú, Thoại Sơn và thị xã Tân Châu): được miễn tiền thuê đất hàng năm.

- Tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (gồm thành phố Châu Đốc và các huyện: Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới, Phú Tân) được miễn tiền thuê đất 11 năm (kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động) sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Tại địa bàn thành phố Long Xuyên: được miễn tiền thuê đất 07 năm (kể từ ngày dự án hoàn thành đưa vào hoạt động) sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

- Thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản: các cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất.

I. EXEMPTION, REDUCTION OF LAND USE, LAND RENT, WATER SURFACE RENT (applicable to the provincial industrial zone):

1. Exemption of land rent, water surface rent during the period of basic construction under projects approved by competent authorities, however, must not exceed 3 years, from the date of the decisions for land rent, water surface rent.

2. Exemption of land rent, water surface rent after the exemption period of land rent, water surface rent for the time of basic construction, specifically as follows:

a) Three (3) years, for projects on the list of preferential investment category;

b) Seven (7) years for investment projects in difficult socio-economic conditions areas;

c) Eleven (11) years for investment projects in exceptionally difficult socio-economic conditions areas; Investment projects in the list of special preferential investment category; Investment projects in the list of preferential investment category invested in difficult socio-economic conditions areas;

d) Fifteen (15) years for projects in the list of special preferential investment category in exceptionally difficult socio-economic conditions areas; Projects in the list of special preferential investment category invested in difficult socio-economic conditions areas.

***Note:** List of industries eligible for preferential investment, and special preferential investment category shall be implemented in accordance with the Investment Law.

3. For the socialization field:

a) Land rent paid on a lump sum for the whole term:

- In areas with difficult social conditions (including districts of Tri Ton, Tinh Bien, An Phu, Thoai Son and Tan Chau town): to be exempt from land rent for the whole term.

- In areas with difficult socio - economic conditions (including Chau Doc city and Chau Phu, Chau Thanh, Cho Moi and Phu Tan districts): 50% reduction of land rent.

- In Long Xuyen city: 30% reduction of land rent.

b) Land rent paid annually:

- In areas with difficult socio - economic conditions (including districts of Tri Ton, Tinh Bien, An Phu, Thoai Son and Tan Chau town): to be exempt from land rent annually.

- In areas with difficult socio - economic conditions (including Chau Doc city and Chau Phu, Chau Thanh, Cho Moi and Phu Tan districts): to be exempt from land rent for 11 years (from the project activate date), in addition with the land rental exemption



4. Đối với dự án trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế:

4.1. Đối với dự án trong Khu kinh tế:

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo và mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh).

b) Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản:

- 15 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

- 19 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

c) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho toàn bộ thời hạn thuê:

- Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, người lao động trong Khu kinh tế hoặc thuê lại đất của nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu kinh tế để thực hiện theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chủ đầu tư không được tính chi phí về tiền thuê đất vào giá cho thuê nhà.

- Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong Khu kinh tế được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê sau thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản.

4.2. Đối với dự án trong Khu công nghiệp:

a) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không bao gồm các trường hợp đầu tư xây dựng cải tạo và mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh).

b) Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản:

- Bảy (7) năm đối với dự án đầu tư vào Khu công nghiệp nằm trên địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

- Mười một (11) năm đối với dự án đầu tư vào Khu công nghiệp nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư

period for the basic construction.

- In Long Xuyen city: Exemption of land rent for 07 years (from the project activate date), in addition with the land rental exemption period for the basic construction.

- Time for land rental exemption or the basic construction: The establishments implementing socialization are exempt from land rent during the period of the basic construction under the projects approved by the competent authorities, but not exceed 3 years from the decision date for land rent.

4. For projects in Industrial Parks, Economic Zones:

4.1. For projects in Economic Zones

a) Exemption of land rent during the basic capital construction period, which, however, must not exceed 3 years from the decision date for land rent approved by the competent authorities (excluding cases of investment in renovation construction and expansion of production and business establishments).

b) Exemption from land rent after the basic construction period:

- 15 years for projects not included in the lists of preferential investments.

- 19 years for projects on the lists of preferential investments.

c) Exemption from land rent, water surface rent for the whole term:

- Investment projects in the fields of special preferential investment.

- Investment projects of building housing for workers, labors in the economic zone or sublease land from investors for construction and operation of infrastructures in Economic Zone for implementation under plans approved by the competent authorities; Investors are not allowed to charge land rent on the rent fees.

- Investors who are leased land by the Government for investing in the construction and trading functional infrastructures in the Economic Zone shall be exempt from land rent for the entire lease duration after the capital basic construction exemption period.

4.2. For projects in Industrial Parks:

a) Exemption of land rent during the basic capital construction period, which, however, must not exceed 3 years from the decision date for land rent approved by the competent authorities (excluding cases of investment in renovation construction and expansion of production and business establishments).

b) Exemption from land rent after the basic capital construction period:

- Seven (7) years for projects on investment in Industrial Parks located in districts not included in the preferential investments list or not in the lists of areas with difficult socio-economic conditions

- Eleven (11) years for projects on investment in Industrial Parks located in district-based areas with exceptionally difficult socio-economic conditions; Projects on the list of preferential investments that are invested in Industrial Parks located in district-based areas and not on the list of preferential investments or located in areas with difficult socio-economic conditions;

- Fifteen (15) years for projects on the list of preferential investment invested in Industrial Parks located in district-based areas with exceptionally



tư được đầu tư vào Khu công nghiệp nằm trên địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

- Mười lăm (15) năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu công nghiệp nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu công nghiệp nằm trên địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

c) Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho toàn bộ thời hạn thuê:

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân của các khu công nghiệp được Nhà nước cho thuê đất hoặc thuê lại đất của nhà đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp để thực hiện theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu công nghiệp nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

II. ƯU ĐÃI VỀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

1. Áp dụng thuế suất:

1.1. Thuế suất 10% trong thời gian mười lăm (15) năm đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao; khu công nghiệp nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới theo Luật Công nghệ cao;

c) Thu nhập của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao;

d) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, dự án khai thác khoáng sản) đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6 (sáu) nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá 3 (ba) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10 (mười) nghìn tỷ đồng/năm, chậm nhất sau ba năm kể từ năm có doanh thu;

- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6 (sáu) nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá ba năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và sử dụng trên ba nghìn lao động chậm nhất sau 3 năm kể từ năm có doanh thu.

e) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và dự án khai thác khoáng sản, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu mười hai nghìn tỷ đồng, sử dụng công nghệ phải được thẩm định theo quy định của Luật công



difficult socio-economic conditions; Projects in the list of preferential investment, which are invested in Industrial Parks located in the district-level areas and not included in the list of geographical areas eligible for investment preferences or located in areas with difficult socio-economic conditions.

c) Exemption from land rent, water surface rent for the whole term:

- Investment projects on the construction of housing for workers in Industrial Parks are leased land by the Government or subleased land by the investors who construct and trade Industrial Park infrastructures for zoning implementation approved by competent authorities;

- Construction land for common-use infrastructures in Industrial Parks under plannings approved by competent authorities.

- Investment projects on the list of special preferential investment that are invested in Industrial Parks located in district-based areas in exceptional socio-economic difficulties areas.

II. PROMOTION ON ENTERPRISE INCOME TAX

1. Application of tax rates:

1.1. The tax rate of 10% for a period of fifteen (15) years for:

a) Incomes of enterprise from the execution of new investment projects in areas of exceptionally difficult socio-economic conditions, economic zones, hi-tech zones; Industrial zones located in in district-based area with extremely difficult socio-economic conditions;

b) Incomes of enterprise from the execution of new investment projects under the Hi-Tech Law;

c) Income of hi-tech enterprises and hi-tech agricultural enterprises according to the regulations of the Hi-Tech Law;

d) Incomes of enterprise from new investment projects of production field (except for projects on production of special-consumption-tax goods and mineral exploitation projects) which satisfy one of the two criteria as following:

- Projects with an investment capital of at least 6 (six) trillion VND, disbursed no more than 3 (three) years from the issuance date of the investment certificate and have a minimum total revenue of 10 (ten) trillion VND a year, three years after the turnover year;

- Projects with an investment capital of at least 6 (six) trillion VND, shall be disbursed within three years from the issuance date of the investment certificate and employing over three thousand labors three years after the turnover year.

e) Incomes of enterprise from the execution of

nghe cao, Luật khoa học và công nghệ, thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký không quá 5 năm kể từ ngày được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.”.

1.2. Thuế suất 10% trong suốt thời hạn hoạt động của dự án đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao và môi trường;

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội;

c) Thu nhập của doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn;

1.3. Thuế suất 17% trong thời gian mười (10) năm áp dụng đối với:

Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; khu công nghiệp nằm trên địa bàn cấp huyện không thuộc Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

* **Ghi chú:** Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu; đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao.

2. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:

2.1. Miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với:

a) Thu nhập của Doanh nghiệp áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm.

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường.

c) Thu nhập của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2.2. Miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với:

Thu nhập của doanh nghiệp áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm.

III. ƯU ĐÃI VỀ THUẾ NHẬP KHẨU:

Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư vào lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu hoặc địa bàn được ưu đãi về thuế nhập khẩu được quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

IV. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN:

Ngoài nội dung ưu đãi đầu tư được nêu tại Mục II trên đây, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư như sau:

1. Miễn, giảm tiền sử dụng đất để xây dựng nhà ở

investment projects in the production field, except for projects on the production of special-consumption-tax goods and projects on mineral exploitation, with investment capital of at least twelve trillion VND, that use expertised technology according to the regulations of High Technologies Law, Science and Technology Law, and the disbursement of total investment capital for registration shall not exceed 5 years from the date the investment is permitted according to the Investment Law.

1.2. The tax rate of 10% during the project operation duration for:

a) The enterprise's income from socialization activities in the field of education and training, job training, healthcare, culture, sports and the environment;

b) The enterprise's income from the execution of investment projects on social house trading;

c) The enterprise's income investing in agriculture and social house trading in areas with socio-economic difficulties, exceptional difficulties;

1.3. The tax rate of 17% for ten (10) years applies to: The enterprise's income from the implementation of new investment projects in difficult socio-economic conditions areas; Industrial Zones located in the district level which are not included in the list of preferential investment or located in areas with difficult socio-economic conditions.

* **Note:** The application duration of preferential tax rates: counting from the first year of enterprises having revenue; For hi-tech enterprises and hi-tech agricultural enterprises: counting from the date they are granted the certificates of being hi-tech enterprises or hi-tech agricultural enterprises; For hi-tech application projects, counting from the date of being granted the hi-tech project-application certificates.

2. Enterprise income tax exemption and reduction:

2.1. Tax exemption for 4 years and reduction of 50% of tax payable for the next 9 years for:

a) The enterprise's income apply to the tax rate of 10% within 15 years.

b) The enterprise's income from socialization in the fields of education, training, health care, culture, sport and environment.

c) The income of hi-tech enterprises and hi-tech agricultural enterprises.

2.2. Tax exemption for 2 years, 50% reduction of payable tax for 4 subsequent years for:

The enterprise's income apply to the tax rate of 17% within 10 years.

III. PROMOTION ON IMPORT TAX:

Exemption of import tax on goods imported to create fixed assets of investment projects in the preferential fields for import tax or preferential areas for import tax regulated in the Government's Decree No. 134 / 2016 / ND-CP dated 01/9/2016, detailing a number of articles and implementing measures of the Export Tax Law and Import Tax Law.

IV. PREFERENTIAL POLICIES FOR ENTERPRISES INVESTING IN AGRICULTURAL AND RURAL DEVELOPMENT:

Apart from the contents of preferential investment mentioned in Section II above, enterprises implementing investment projects in agriculture and rural areas are also applied the following preferential investment policies as follow:

1. Exemption and reduction of land use for housing construction for labors working on the project:

cho người lao động làm việc tại dự án:

Được Nhà nước giao đất hoặc được chuyển mục đích đất để làm nhà ở cho người lao động và được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất được chuyển mục đích để xây dựng nhà ở cho người lao động làm việc tại dự án; được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích đất đó sau khi được chuyển đổi.

2. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước:

2.1. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư khi thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước thì được áp dụng mức giá đất ưu đãi do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và giá thuê đất, thuê mặt nước ổn định tối thiểu 05 năm.

2.2. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thì dự án đó được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước kể từ ngày Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước.

2.3. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư thì dự án đó được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 07 năm tiếp theo.

2.4. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư thì dự án đó được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 05 năm tiếp theo.

2.5. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp (đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư, khuyến khích đầu tư) được Nhà nước cho thuê đất xây dựng nhà ở cho người lao động của dự án, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (đất xây dựng nhà xưởng, kho chứa, sân phơi, đường giao thông, cây xanh) kể cả đất được phép chuyển mục đích sang các loại đất quy định tại khoản này để phục vụ dự án đó thì được miễn tiền thuê đất.

2.6. Doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước trong 05 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động và giảm 50% tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 10 năm tiếp theo.

Ngoài ra, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn được tiếp cận, hỗ trợ tín dụng; hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường; hỗ trợ đầu tư cơ sở: bảo quản, chế biến nông sản; giết mổ gia súc, gia cầm; chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; sản xuất sản phẩm phụ trợ; hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công và đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

V. HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO LĨNH VỰC DU LỊCH:

1. Hỗ trợ thực hiện các dự án đầu tư phát triển dịch vụ du lịch:

1.1. Xây dựng cơ sở lưu trú du lịch

1.1.1. Mức hỗ trợ:

a) Xây dựng mới:

- Dự án đầu tư cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn 3 sao được hỗ trợ 40 triệu đồng/phòng ngủ tại các huyện, Thị xã trên địa bàn tỉnh An Giang bao gồm: Chợ Mới, Châu Thành, Phú Tân, An Phú, Thoại Sơn, Tri Tôn, Tịnh Biên, Châu Phú và Thị xã Tân Châu. Mỗi

To be allocated land by the Government or to be converted land for housing construction for labors and exempt from land conversion fee for for purpose of building houses for labors working at project; Exemption from land use fees for land after conversion.

2. Exemption and reduction of land rent and water surface rent fees from the Government:

2.1. Enterprises with agricultural projects eligible for preferential investment incentives, when renting land or water surface from the Government shall be applied with the incentive price approved by the provincial People's Committee for at least 05 years.

2.2. For enterprises with agricultural projects eligible for special preferential investment incentives shall be exempted from land rent or water surface rents as from the date the Government leases land, water surface.

2.3. Enterprises with agricultural projects eligible for preferential investment incentives shall be exempted from land rent, water surface rent for the first 15 years as from the date the Government leases land, water surface and 50% reduction of rent fee for land and water surface in the next 07 years.

2.4. Enterprises with encourage - investment-agricultural projects shall be exempted from land rent, water surface rent for the first 11 years from the date the Government leases land, water surface; and 50% reduction of land rent, water surface rent in the next 05 years.

2.5. Enterprises with agricultural projects (special preferential investment incentives, preferential investment incentives, encourage investment) are leased land by the Government to build houses for project labors, land of non-agricultural production (land for construction of workshops, storages, drying yards, roads and trees), including land permitted to be converted to different types of land specified in this title to serve the projects, shall be exempted from land rent.

2.6. Newly-established small and medium-sized agricultural enterprises shall be exempted from land rents and water surface rents of the Government for the first 5 years from the date the projects are completed and put into operation and 50% reduction of rent fee for land and water surface in the next 10 following years.

In addition, enterprises implementing investment projects in agriculture and rural areas have access, credit support; research support, transfer and application of hi-tech agriculture; human resources training, market development; Infrastructure investment support: preservation and processing of agricultural products; kill cattle and poultry; manufacture equipment, components of agricultural machines; production of auxiliary products; support enterprises in public delivery supply and investment in agricultural and rural infrastructure.

V. INVESTMENT SUPPORT TO TOURISM:

1. Support the implementation of tourism development investment projects:

1. Construction of tourist accommodation establishments

1.1.1. Support level:

a) New construction:

- Investment project of 3-star standard accommodation is supported 40 million VND per bedroom in districts, towns in An Giang province including: Cho

địa phương được hỗ trợ 01 (một) dự án đầu tư xây dựng mới khách sạn tiêu chuẩn hạng 3 sao, mức hỗ trợ tối đa 2 tỷ đồng/ dự án.

- Cơ sở lưu trú tiêu chuẩn 4 sao được hỗ trợ 50 triệu đồng/phòng ngủ tại thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc. Mỗi địa phương được hỗ trợ 01 (một) dự án đầu tư xây dựng mới khách sạn tiêu chuẩn hạng 4 sao, mức hỗ trợ tối đa 3 tỷ đồng/dự án.

- Cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn 5 sao được hỗ trợ 60 triệu đồng/phòng ngủ tại thành phố Châu Đốc và thành phố Long Xuyên. Mỗi địa phương được hỗ trợ xây dựng mới 01 khách sạn tiêu chuẩn hạng 5 sao, mức hỗ trợ tối đa 6 tỷ đồng/dự án.

b) Sửa chữa nâng cấp: Sửa chữa nâng cấp cơ sở lưu trú để đạt hạng tiêu chuẩn từ 4 sao đến 5 sao được hỗ trợ 40 triệu đồng/phòng ngủ tại Thành phố Long Xuyên và thành phố Châu Đốc. Mỗi địa phương được hỗ trợ sửa chữa nâng cấp 01 dự án khách sạn tiêu chuẩn hạng từ 4 đến 5 sao, mức hỗ trợ tối đa 4 tỷ đồng/dự án.

1.1.2. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng và đã được cơ quan có thẩm quyền phân loại, xếp hạng đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhà nước.

1.2. Xây dựng nhà hàng kết hợp bán đặc sản An Giang đạt chuẩn phục vụ du lịch

1.2.1. Mức hỗ trợ: 500.000 đồng/m² xây dựng (bao gồm cả hạng mục nhà vệ sinh; không bao gồm các hạng mục khuôn viên, tiểu cảnh, hoa viên tạo cảnh quan), mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/ 01 dự án.

1.2.2. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi công trình đã được đầu tư, đưa vào sử dụng và được cơ quan có thẩm quyền công nhận cơ sở dịch vụ đạt chuẩn phục vụ du lịch theo quy định.

1.3. Xây dựng khu mua sắm đạt chuẩn phục vụ du lịch:

1.3.1. Mức hỗ trợ: 500.000 đồng/m² xây dựng (bao gồm cả hạng mục nhà vệ sinh nếu có; không bao gồm khuôn viên, tiểu cảnh, hoa viên tạo cảnh quan), mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/ dự án.

1.3.2. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi công trình đã được đầu tư, đưa vào sử dụng và được cơ quan có thẩm quyền công nhận cơ sở dịch vụ đạt chuẩn phục vụ du lịch theo quy định.

1.4. Xây dựng nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn phục vụ du lịch

1.4.1. Mức hỗ trợ: 10%/ tổng mức chi phí của dự án, mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/ dự án.

1.4.2. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo đạt tiêu chuẩn của cơ quan nhà nước.

1.5. Đầu tư khai thác du lịch sông nước

1.5.1. Mức hỗ trợ: Dự án đầu tư tàu, bến tàu, cầu tàu đón khách du lịch và các trang thiết bị bảo đảm an toàn cho du khách nhằm khai thác tuyến du lịch đường sông tại các huyện, thị xã, thành phố: Thành phố Long Xuyên, thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, huyện An Phú, huyện Phú Tân, huyện Chợ Mới và huyện Thoại Sơn được hỗ trợ 10%/ tổng mức chi phí của dự án, mức hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/dự án.

* Mỗi địa phương hỗ trợ đầu tư 01 (một) dự án xây dựng mới.

Moi, Chau Thanh, Phu Tan, An Phu, Thoai Son, Tri Ton, Tinh Bien, Chau Phu and Tan Chau town. Each locality will be assisted with 01 (one) investment project for construction of 3-star standard hotel with the maximum support level of 2 billion VND/ project.

- 4-star standard accommodation is supported 50 million VND per bedroom in Long Xuyen city and Chau Doc city. Each locality will be assisted with 01 (one) investment project for construction of 4-star standard hotel with the maximum support level of 3 billion VND/ project.

- 5-star standard accommodation is supported 60 million VND per bedroom in Chau Doc city and Long Xuyen city. Each locality will be assisted with 01 (one) investment project for construction of 5-star standard hotel with the maximum support level of 6 billion VND/ project.

b) Repair and upgrade: Repairing and upgrading the accommodation establishments in order to reach the standard of 4-star or 5-star will be supported with 40 million VND per bedroom in Long Xuyen city and Chau Doc city. Each locality is assisted with 01 project to repair and upgrade to 4-star or to 5-star hotel with the maximum support level of 4 billion VND/ project.

1.1.2. Time of support: After the project is completed and operating. It will be classified and qualified by the competent agency according to Government regulations.

1.2. Constructing standardized restaurants combining with selling An Giang specialties that meet tourism standards

1.2.1. Support level: 500,000 VND/ m² (including restrooms areas, not including garden, landscape and landscaping items). The maximum support level is 500 million VND/ 01 project.

1.2.2. Support time: After the construction have been invested, put into operation and recognized by the competent agencies about the standards for tourism-service establishments.

1.3. Constructing standardized shopping malls for tourism:

1.3.1. Support level: VND 500,000/ m² (including restroom - if any, not including garden, landscape and landscaping items). The maximum support level is 100 million VND/ 01 project.

1.3.2. Support time: After the construction have been invested, put into operation and recognized by the competent agencies about the standards for tourism-service establishments.

1.4. Constructing public standardized restrooms for tourism

1.4.1. Support level: 10% / total cost of the project. The maximum support level is 20 million VND/ 01 project.

1.4.2. Support time: After the construction is completed and qualified with the Government standards.

1.5. Investing in water tourism

1.5.1. Support level: Investment projects in ships, docks, wharfs to welcome tourists and safety equipment for tourists in order to exploit river tourism in districts, towns and cities: Long Xuyen city, Chau Doc city, Tan Chau town, An Phu district, Phu Tan district, Cho Moi district and Thoai Son district which are supported 10%/ total project cost. The maximum support level is 02 billion VND / project.

* Each locality supports investment 01 (one) new



1.5.2. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi công trình được đầu tư đưa vào sử dụng, có hồ sơ đề nghị và được công nhận hoặc nằm trong quy hoạch là điểm du lịch theo quy định.

2. Hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng:

2.1. Kinh doanh loại hình nhà có phòng cho khách du lịch thuê (Loại hình homestay):

2.1.1. Mức hỗ trợ:

- Tổ chức hoặc hộ gia đình xây dựng dự án có qui mô đón, phục vụ từ 20 khách đến dưới 40 khách: 50 triệu đồng/dự án.

- Tổ chức hoặc hộ gia đình xây dựng dự án có qui mô đón, phục vụ từ 40 khách trở lên: 80 triệu đồng/dự án.

* Mỗi huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hỗ trợ 05 (năm) dự án xây dựng và kinh doanh loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.

2.1.2. Thời điểm hỗ trợ: Sau khi hoàn thành đưa vào sử dụng đủ điều kiện được thẩm định và công nhận loại hạng homestay theo quy định.

2.2. Hỗ trợ lãi suất cho vay đầu tư phát triển loại hình du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh An Giang:

2.2.1. Định mức: Hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay trong hạn khi vay vốn ở các ngân hàng để đầu tư phát triển loại hình du lịch cộng đồng, số nợ vay hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/01 tập thể hoặc hộ gia đình.

2.2.2. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian vay vốn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng nhưng không quá 05 (năm) năm.

VI. HỖ TRỢ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án "Đào tạo lao động có tay nghề đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 tỉnh An Giang" tại Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 09/11/2017, trong đó doanh nghiệp được hỗ trợ chi phí đào tạo nghề nghiệp nếu có tham gia, phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc đào tạo nghề nghiệp cho người lao động. Kinh phí hỗ trợ tương ứng với phần việc phối hợp, tham gia của doanh nghiệp và do 02 bên (doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp) thỏa thuận được thể hiện qua hợp đồng và có ý kiến thống nhất của cơ quan chức năng quản lý nhà nước về đào tạo nghề nghiệp.

construction project.

1.5.2. Support time: After the construction have been invested, put into operation and recognized or in zoning plans as a tourist destination according to the law.

2. Supporting community-tourism development:

2.1. Trade in houses with available rooms for rent (Local homestay)

2.1.1. Support level:

- Organizations or households have the project scale of serving from 20 to less than 40 guests: 50 million VND/ project.

- Organizations or households have the project scale of serving from more than 40 guests: 80 million VND/ project.

* Each district, town or city under the province will support 05 (five) projects to build and do business in the form of houses with rooms for rent to tourists.

2.1.2. Support time: After being completed and put into operation and being recognized homestay class.

2.2. Interest rate support for investments in developing community-based tourism in An Giang province:

2.2.1. Quota: Support 50% of the loan interest rate when borrowing capital at banks for investment in the development of community-based tourism, the maximum loan support amount shall not exceed VND 2 billion/ 01 group or households.

2.2.2. Support time: According to the loan term agreed in the credit contract signed with the bank but not more than 05 (five) years.

VI. LABOR SUPPORT TRAINING:

Provincial People's Committee issues the project "Training skilled labors to meet the requirements of enterprises in period 2017-2020 in An Giang province" stated in Decision No. 3373/QĐ-UBND dated November 09, 2017, in which, enterprises are supported training expenses if they participate in, and coordinate with, vocational education institutions in providing vocational training for employees. Support funds corresponding to the coordination and participation of enterprises and agreed by both parties (enterprises and vocational education institutions), agreements are expressed in contracts and agreed by the Government authorities

VII. CHÍNH SÁCH VỀ TẠO QUỸ ĐẤT:

1. Nhà đầu tư được tiếp cận đất đai trước khi xin chủ trương đầu tư để hạn chế tình trạng tăng giá đất.

Nhà đầu tư thông qua Trung tâm Phát triển quỹ đất, Sở Tài Nguyên và Môi trường để khảo sát, tiếp cận thông tin, vị trí đất đai, quy hoạch. Nếu dự án triển khai phù hợp quy hoạch hoặc định hướng điều chỉnh quy hoạch, không tác động xấu đến môi trường thì Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ hỗ trợ nhà đầu tư tiếp cận trước đất đai bằng các hình thức thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Các trường hợp khác, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo trực tiếp thường trực UBND tỉnh xin ý kiến trước khi thực hiện. Sau khi có đủ quỹ đất sẽ tiến hành thủ tục đầu tư.

2. Nhà nước ứng vốn của doanh nghiệp để bồi thường, giải phóng mặt bằng và cam kết thời hạn bàn giao quỹ đất sạch cho doanh nghiệp triển khai các dự án thuộc trường hợp Nhà nước cho phép thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai để doanh nghiệp có quỹ đất sạch triển khai dự án. Toàn bộ số tiền doanh nghiệp ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng sẽ được căn trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp khảo sát, tiếp cận với người dân để thuê lại đất nông nghiệp triển khai dự án nông nghiệp quy mô lớn. Đồng thời có chính sách hỗ trợ tiền thuê đất một số năm đầu, sau đó doanh nghiệp trả lại hàng năm để khuyến khích các dự án nông nghiệp công nghệ cao có tính chất quan trọng, đòn bẩy trong phát triển nông nghiệp của tỉnh.

4. Trung tâm Phát triển quỹ đất hợp tác với doanh nghiệp triển khai việc tạo quỹ đất dự trữ kêu gọi đầu tư.

5. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp triển khai trước các dự án có sử dụng đất trồng lúa đã được quyết định chủ trương đầu tư nhưng chưa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục dự án sử dụng đất trồng lúa, sau đó sẽ đăng ký bổ sung thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

in vocational training.

VII. POLICY ON CREATING THE LAND FUND:

1. Investors have access to land before applying for investment policy in order to limit the increase of land price.

Investors survey, access information, land position, zoning plans through Land Funding Development Center, Department of Natural Resources and Environment. If the project is implemented in accordance with the zoning plan or the adjusting orientation plans, that will not badly affect the environment. Then, the Department of Natural Resources and Environment will assist the investor in accessing the land in the form of land lease or transfer land-use right. In other cases, the Department of Natural Resources and Environment reports directly to the provincial People's Committee for approval before implementation. Once the land fund is available, investment procedures will be carried out.

2. The Government uses the capital of enterprises for compensation and ground clearance and commit to the deadline for handing over clean land funds to enterprises for implementing projects in cases where the Government permits the retrieval of land according to Land law provisions. All amounts advanced by the enterprises for compensation and ground clearance shall be deducted from the payable land-use fees, land-rent fee must be paid according to regulations.

3. Support enterprises to survey and approach local people to rent agricultural land for large-scale agricultural projects. At the same time, there are policies to support the land-rent fee for the first several years, then the enterprises return annually to encourage high-tech agricultural projects which are important and leverage in the agricultural development of the province.

4. Land Funding Development Center cooperates with enterprises to develop the land fund reserving and calling for investment.

5. Facilitate enterprises to implement projects using land for rice cultivation, which have been invested but have not yet been approved by the provincial People's Council. Projects shall be additionally registered through the provincial People's Council at the nearest meeting session after having the consistent agreement of the Regular Committee of the provincial People's Council.



PHẦN IV. DANH MỤC DỰ ÁN MỜI GỌI ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG VỐN (tỷ đồng)	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN
I NÔNG NGHIỆP					
1	Dự án đầu tư liên kết phát triển chuỗi giá trị gia tăng bò thịt	Tri Tôn	60 ha	2.500	Sở NN&PTNT
2	Khu liên hợp nghiên cứu sản xuất cá tra giống	Thoại Sơn	200 ha	1.500	Sở NN&PTNT
3	Dự án trồng chuối cấy mô công nghệ cao theo chuỗi giá trị	Tri Tôn	500 ha	150	Sở NN&PTNT
4	Dự án làng bè nuôi trồng thủy sản kết hợp du lịch sinh thái Cù Lao Giêng	Chợ Mới	100 ha mặt nước	2.000	Sở NN&PTNT
5	Nhà máy chế biến rau củ quả	Chợ Mới	10 ha	200	Sở NN&PTNT
6	Dự án chuỗi cung cấp thịt heo an toàn trên địa bàn tỉnh	Tri Tôn	3 ha	500	Sở NN&PTNT
7	Cụm công nghiệp sản xuất nẹp bền vững	Phú Tân	5.000 ha	900	Sở NN&PTNT
8	Sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao trên địa bàn thành phố Long Xuyên	Long Xuyên	100 ha	600	UBND thành phố Long Xuyên
9	Sản xuất cá tra thương phẩm chất lượng cao trên địa bàn thành phố Long Xuyên	Long Xuyên	300 ha	1.800	UBND thành phố Long Xuyên
II THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH					
1	Khai thác khu đất sân vận động tỉnh An Giang	Long Xuyên	3,5 ha	650	Sở VH,TT&DL
2	Khu du lịch cồn Phó Ba	Long Xuyên	80 - 100 ha	5.000	Sở VH,TT&DL
3	Khu du lịch nghỉ dưỡng núi Tà Pạ	Tri Tôn	200 ha	1.000	Sở VH,TT&DL
4	Khu du lịch sinh thái cộng đồng ba xã Cù Lao Giêng	Chợ Mới	170 ha	500	Sở VH,TT&DL
5	Khu du lịch hồ Soài So	Tri Tôn	49 ha	500	Sở VH,TT&DL
6	Khu trung tâm hành hương (tượng Di Lặc - chùa Phật Lớn - chùa Vạn Linh)	Tịnh Biên	39,76 ha	500	Sở VH,TT&DL
7	Khu nghỉ dưỡng + vọng cảnh vồ Bồ Hong	Tịnh Biên	22,54 ha	400	Sở VH,TT&DL
8	Khu văn hóa dân gian và tín ngưỡng (phía Tây - Bắc khu trung tâm hành hương)	Tịnh Biên	25,48 ha	300	Sở VH,TT&DL
9	Khu văn hóa các dân tộc (hồ Tà Lọt)	Tịnh Biên	120 ha	250	Sở VH,TT&DL
10	Khu bảo tồn sinh thái (vồ Bà, đỉnh Chư Thần)	Tịnh Biên	39,29 ha	120	Sở VH,TT&DL
11	Khu TM và vui chơi giải trí Vĩnh Xương	Tân Châu	62 ha	450	Ban QLKKT
12	Khu TM - DV - DL và vui chơi giải trí đặc biệt khu vực cửa khẩu Tịnh Biên	Tịnh Biên	25 ha	500	Ban QLKKT
13	Khu TM DV và vui chơi giải trí Tịnh Biên	Tịnh Biên	45 ha	900	Ban QLKKT
14	Khu TM - CN cửa khẩu Khánh Bình (gđ2)	An Phú	13 ha	260	Ban QLKKT
15	Khu vui chơi giải trí Mỹ Khánh	Long Xuyên	249,51 ha	250	UBND thành phố Long Xuyên
16	Khu du lịch lòng hồ Trương Gia Mô	Châu Đốc	10 ha	200	UBND thành phố Châu Đốc
17	Khu du lịch sinh thái bãi bồi Vĩnh Mỹ	Châu Đốc	38 ha	700	UBND thành phố Châu Đốc

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG VỐN (tỷ đồng)	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN
18	Khu vui chơi giải trí nghỉ dưỡng thành phố Châu Đốc	Châu Đốc	68,18 ha	200	UBND thành phố Châu Đốc
19	Tuyến đường vòng công viên văn hóa Núi Sam	Châu Đốc	75,3 ha	700	UBND thành phố Châu Đốc
20	Khu du lịch Bắc Miếu Bà	Châu Đốc	22,06 ha	200	UBND thành phố Châu Đốc
21	Các khu chức năng tuyến đường nối khu dân cư chợ Vĩnh Đông đến đường tránh quốc lộ 91	Châu Đốc	115 ha	5.000	UBND thành phố Châu Đốc
22	Khu du lịch Búng Bình Thiên	An Phú	706,8 ha	600	UBND huyện An Phú
23	Trung tâm thương mại Bắc Cống Vong	Thoại Sơn	6 ha	100	UBND huyện Thoại Sơn
24	Khu nghỉ dưỡng + sân golf	Tịnh Biên	200 ha	1.500	UBND huyện Tịnh Biên
III	CÔNG NGHIỆP				
1	Khu công nghiệp Vàm Cống	Long Xuyên	200 ha	1.500	Ban QLKKT
2	Khu công nghiệp Bình Long mở rộng	Châu Phú	120 ha	900	Ban QLKKT
3	Khu công nghiệp Bình Hòa mở rộng	Châu Thành	98 ha	700	Ban QLKKT
4	Khu công nghiệp Hội An	Chợ Mới	100 ha	900	Ban QLKKT
5	Khu công nghiệp Xuân Tô	Tịnh Biên	150 ha	850	Ban QLKKT
6	Nhà máy bia An Giang	Châu Thành	10 ha	500	Ban QLKKT
7	Cụm công nghiệp Bình Đức	Long Xuyên	20 ha	150	UBND thành phố Long Xuyên
8	Cụm công nghiệp Tây Huệ	Long Xuyên	40 ha	350	UBND thành phố Long Xuyên
9	Cụm công nghiệp Vĩnh Tế	Châu Đốc	75 ha	450	UBND thành phố Châu Đốc
10	Cụm công nghiệp Châu Phong	Tân Châu	30 ha	200	UBND thị xã Tân Châu
11	Cụm công nghiệp Long An	Tân Châu	20 ha	250	UBND thị xã Tân Châu
12	Cụm công nghiệp Long Sơn	Tân Châu	35 ha	450	UBND thị xã Tân Châu
13	Cụm công nghiệp Vĩnh Xương	Tân Châu	20 ha	150	UBND thị xã Tân Châu
14	Cụm công nghiệp Mỹ Phú	Châu Phú	75 ha	400	UBND huyện Châu Phú
15	Cụm công nghiệp An Cư	Tịnh Biên	28 ha	200	UBND huyện Tịnh Biên
16	Cụm công nghiệp An Nông	Tịnh Biên	35 ha	200	UBND huyện Tịnh Biên
17	Cụm công nghiệp Hòa Bình	Chợ Mới	75 ha	450	UBND huyện Chợ Mới
18	Cụm công nghiệp Hòa An	Chợ Mới	75 ha	450	UBND huyện Chợ Mới
19	Cụm công nghiệp An Phú	An Phú	40 ha	200	UBND huyện An Phú
20	Cụm công nghiệp Lương An Trà	Tri Tôn	30 ha	200	UBND huyện Tri Tôn
21	Cụm công nghiệp Tân Thành	Thoại Sơn	18,8 ha	100	UBND huyện Thoại Sơn
22	Cụm công nghiệp Định Thành	Thoại Sơn	20 ha	200	UBND huyện Thoại Sơn

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	TỔNG VỐN (tỷ đồng)	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN
23	Cụm công nghiệp Núi Sập	Thoại Sơn	10 ha	100	UBND huyện Thoại Sơn
IV GIAO THÔNG VẬN TẢI					
1	Tổ chức quản lý, khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	Tỉnh An Giang	1. Tuyến xe buýt nhanh nội thành phố Long Xuyên 2. Tuyến xe buýt nhanh nội thành phố Châu Đốc 3. Tuyến xe buýt nhanh nội tỉnh	60	Sở Giao thông vận tải
V XÂY DỰNG					
1	Nâng cấp đô thị thành phố Châu Đốc	Châu Đốc	58,1 ha	8.500	UBND thành phố Châu Đốc
2	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	Tân Châu	1.505 ha	1.000	Sở Xây dựng
VI DỊCH VỤ Y TẾ					
1	Bệnh viện Tim mạch An Giang	Long Xuyên	6 ha, 400 giường	1.000	Sở Y tế



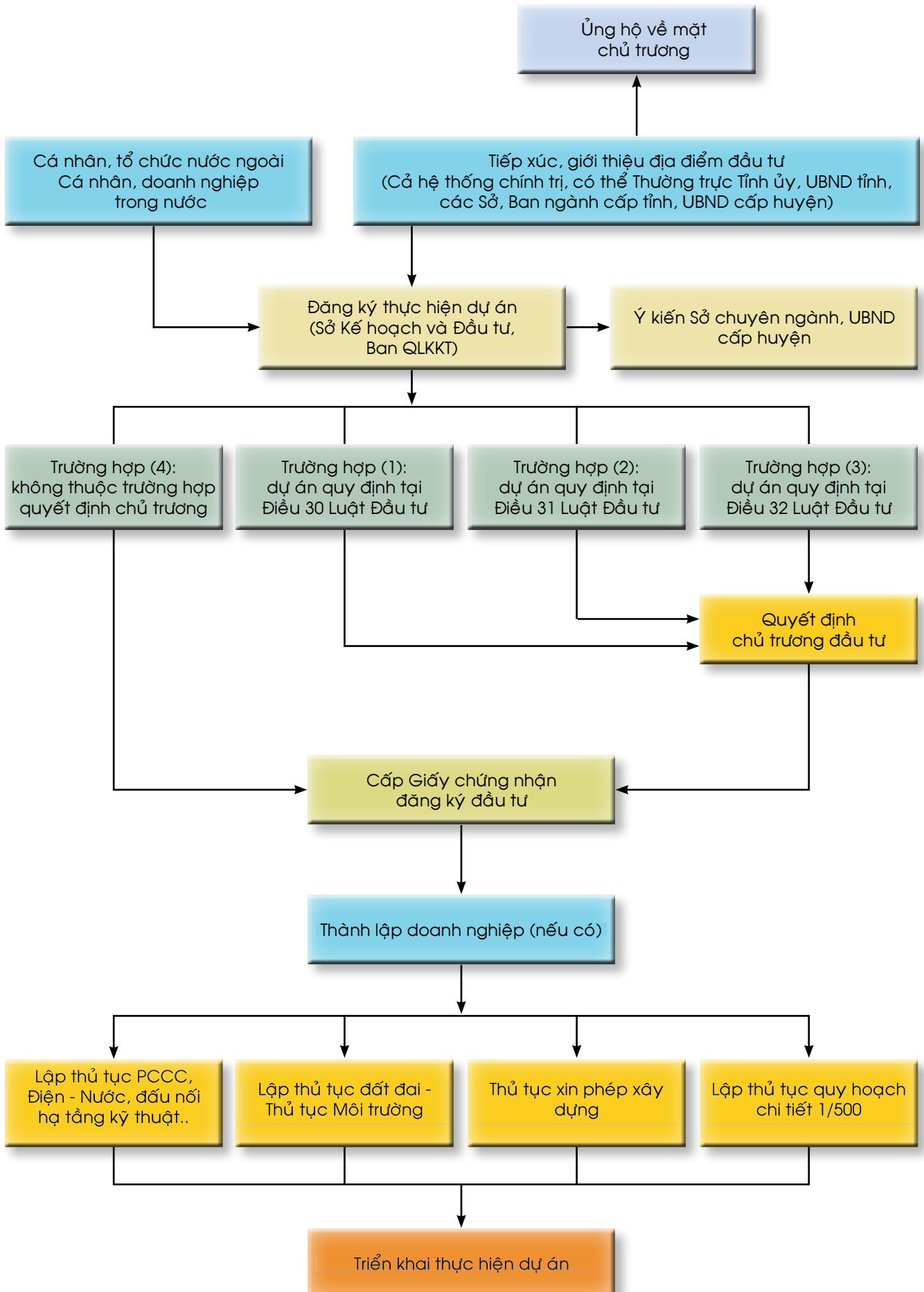
PART IV. LIST OF PROJECTS CALLING FOR INVESTMENT IN AN GIANG PROVINCE

No.	LIST OF PROJECTS	LOCATION	SCALE	TOTAL CAPITAL (billion VND)	IMPLEMENTING UNITS
I	AGRICULTURE				
1	Cooperative investment for developing beef value added chain	Tri Ton	60 ha	2,500	Department of Agriculture and Rural Development
2	Tra fish seeding research and production complex area	Thoai Son	200 ha	1,500	Department of Agriculture and Rural Development
3	Planting high-tech tissue implanted banana in value chain	Tri Ton	500 ha	150	Department of Agriculture and Rural Development
4	Raft village for agriculture combined with ecotourism in Cu Lao Gieng	Cho Moi	100 ha	2,000	Department of Agriculture and Rural Development
5	Vegetable processing factory	Cho Moi	10 ha	200	Department of Agriculture and Rural Development
6	Safe pork supplying chain in An Giang province	Tri Ton	3 ha	500	Department of Agriculture and Rural Development
7	The industrial cluster for sticky rice sustainably manufacturing	Phu Tan	5,000 ha	900	Department of Agriculture and Rural Development
8	Three-grade high quality Tra fish seeding production in Long Xuyen city	Long Xuyen	100 ha	600	Long Xuyen People's Committee
9	High quality Tra fish products production in Long Xuyen city	Long Xuyen	300 ha	1,800	Long Xuyen People's Committee
II	TRADE – SERVICE - TOURISM				
1	Exploiting An Giang province stadium land area	Long Xuyen	3.5 ha	650	Department of Culture, Sports and Tourism
2	Pho Ba Isle Tourist Area	Long Xuyen	80 - 100 ha	5,000	Department of Culture, Sports and Tourism
3	Ta Pa mountain resort	Tri Ton	200 ha	1,000	Department of Culture, Sports and Tourism
4	Cu Lao Gieng community ecological tourists area	Cho Moi	170 ha	500	Department of Culture, Sports and Tourism
5	Soai So lake tourist area	Tri Ton	49 ha	500	Department of Culture, Sports and Tourism
6	Pilgrimage center area (Maitreya statue – Big Buddha Pagoda - Van Linh Pagoda)	Tinh Bien	39.76 ha	500	Department of Culture, Sports and Tourism
7	Vo Bo Hong sightseeing relaxing area	Tinh Bien	22.54 ha	400	Department of Culture, Sports and Tourism
8	Traditional and religious culture area (North-West of pilgrimage center)	Tinh Bien	25.48 ha	300	Department of Culture, Sports and Tourism
9	Ethnic cultural are (Ta Lot lake)	Tinh Bien	120 ha	250	Department of Culture, Sports and Tourism
10	Ecological reserving area (Vo Ba, Chu Than peak)	Tinh Bien	39.29 ha	120	Department of Culture, Sports and Tourism

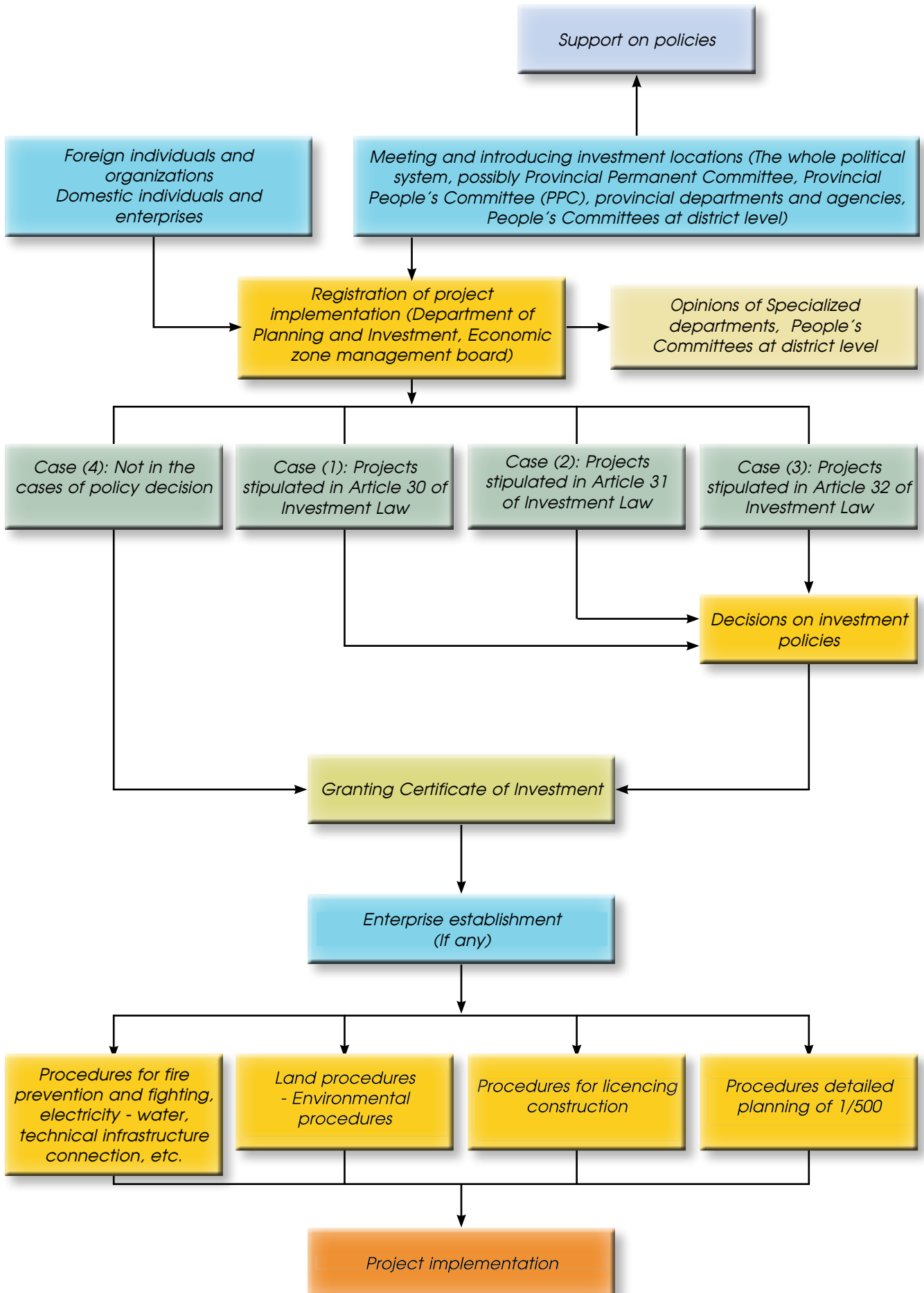
No.	LIST OF PROJECTS	LOCATION	SCALE	TOTAL CAPITAL (billion VND)	IMPLEMENTING UNITS
11	Vinh Xuong Commercial and Entertaining Area	Tan Chau	62 ha	450	Economic zone management board
12	Trading- service – tourism and entertainment special area of Tinh Bien border gate	Tinh Bien	25 ha	500	Economic zone management board
13	Tinh Bien Commercial, Service and Entertainment area	Tinh Bien	45 ha	900	Economic zone management board
14	Khanh Binh border gate commercial – service area (phase 2)	An Phu	13 ha	260	Economic zone management board
15	My Khanh entertainment area	Long Xuyen	249.51 ha	250	Long Xuyen People's Committee
16	Truong Gia Mo lake bottom tourist area	Chau Doc	10 ha	200	Chau Doc People's Committee
17	Vinh My mudflats ecological tourist area	Chau Doc	38 ha	700	Chau Doc People's Committee
18	Entertaining area and resort in Chau Doc city	Chau Doc	68.18 ha	200	Chau Doc People's Committee
19	Roundabout route of Sam Mountain Culture Park	Chau Doc	75.3 ha	700	Chau Doc People's Committee
20	Northern Ba Chua Xu's temple tourist area	Chau Doc	22.06 ha	200	Chau Doc People's Committee
21	Functional areas of linking route of Vinh Dong market's residential area to bypass highway No.91	Chau Doc	115 ha	5,000	Chau Doc People's Committee
22	Bung Binh Thien tourist area	An Phu	706.8 ha	600	An Phu People's Committee
23	Northern Cong Vong commercial center	Thoai Son	6 ha	100	Thoai Son People's Committee
24	Resort + golf	Tinh Bien	200 ha	1,500	Tinh Bien People's Committee
III INDUSTRY					
1	Vam Cong industrial park	Long Xuyen	200 ha	1,500	Economic zone management board
2	Binh Long industrial park expanded	Chau Phu	120 ha	900	Economic zone management board
3	Binh Hoa industrial park expanded	Chau Thanh	98 ha	700	Economic zone management board
4	Hoi An industrial park	Cho Moi	100 ha	900	Economic zone management board
5	Xuan To industrial park	Tinh Bien	150 ha	850	Economic zone management board
6	An Giang Beer factory	Chau Thanh	10 ha	500	Economic zone management board
7	Binh Duc industrial cluster	Long Xuyen	20 ha	150	Long Xuyen People's Committee
8	Tay Hue industrial cluster	Long Xuyen	40 ha	350	Long Xuyen People's Committee

No.	LIST OF PROJECTS	LOCATION	SCALE	TOTAL CAPITAL (billion VND)	IMPLEMENTING UNITS
9	Vinh Te industrial cluster	Chau Doc	75 ha	450	Chau Doc People's Committee
10	Chau Phong industrial cluster	Tan Chau	30 ha	200	Tan Chau People's Committee
11	Long An industrial cluster	Tan Chau	20 ha	250	Tan Chau People's Committee
12	Long Son industrial cluster	Tan Chau	35 ha	450	Tan Chau People's Committee
13	Vinh Xuong industrial cluster	Tan Chau	20 ha	150	Tan Chau People's Committee
14	My Phu industrial cluster	Chau Phu	75 ha	400	Chau Phu People's Committee
15	An Cu industrial cluster	Tinh Bien	28 ha	200	Tinh Bien People's Committee
16	An Nong industrial cluster	Tinh Bien	35 ha	200	Tinh Bien People's Committee
17	Hoa Binh industrial cluster	Cho Moi	75 ha	450	Cho Moi People's Committee
18	Hoa An industrial cluster	Cho Moi	75 ha	450	Cho Moi People's Committee
19	An Phu industrial cluster	An Phu	40 ha	200	An Phu People's Committee
20	Luong An Tra industrial cluster	Tri Ton	30 ha	200	Tri Ton People's Committee
21	Tan Thanh industrial cluster	Thoai Son	18.8 ha	100	Thoai Son People's Committee
22	Dinh Thanh industrial cluster	Thoai Son	20 ha	200	Thoai Son People's Committee
23	Nui Sap industrial cluster	Thoai Son	10 ha	100	Thoai Son People's Committee
IV	TRANSPORTATION				
1	Operation management and exploitation public transportation by bus	An Giang province	1. Express bus route within Long Xuyen city. 2. Express bus route within Chau Doc city. 3. Provincial Express bus route	60	Department of Transport
V	CONSTRUCTION				
1	Upgrading Chau Doc city	Chau Doc	58.1 ha	8,500	Chau Doc People's Committee
2	Tan Chau Waste water collection and treatment system	Tan Chau	1,505 ha	1,000	Department of Construction
VI	HEALTH SERVICE				
1	An Giang Cardiovascular Hospital	Long Xuyen	6 ha, 400 beds	1,000	Department of Health

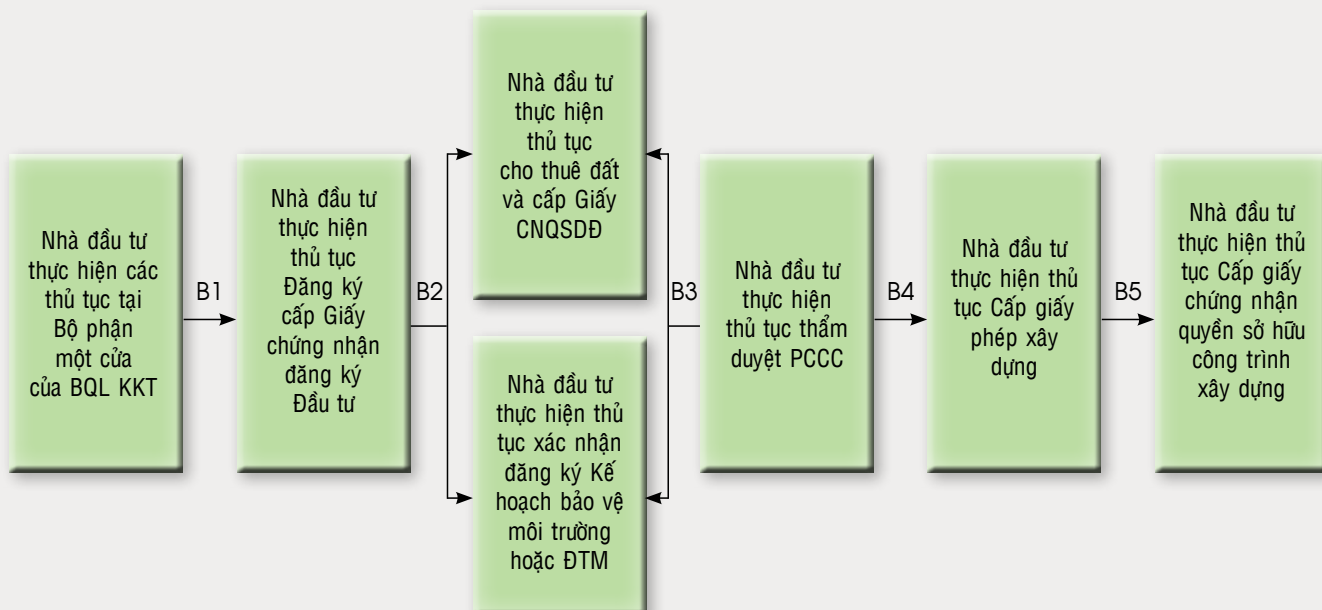
QUY TRÌNH THỦ TỤC ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH



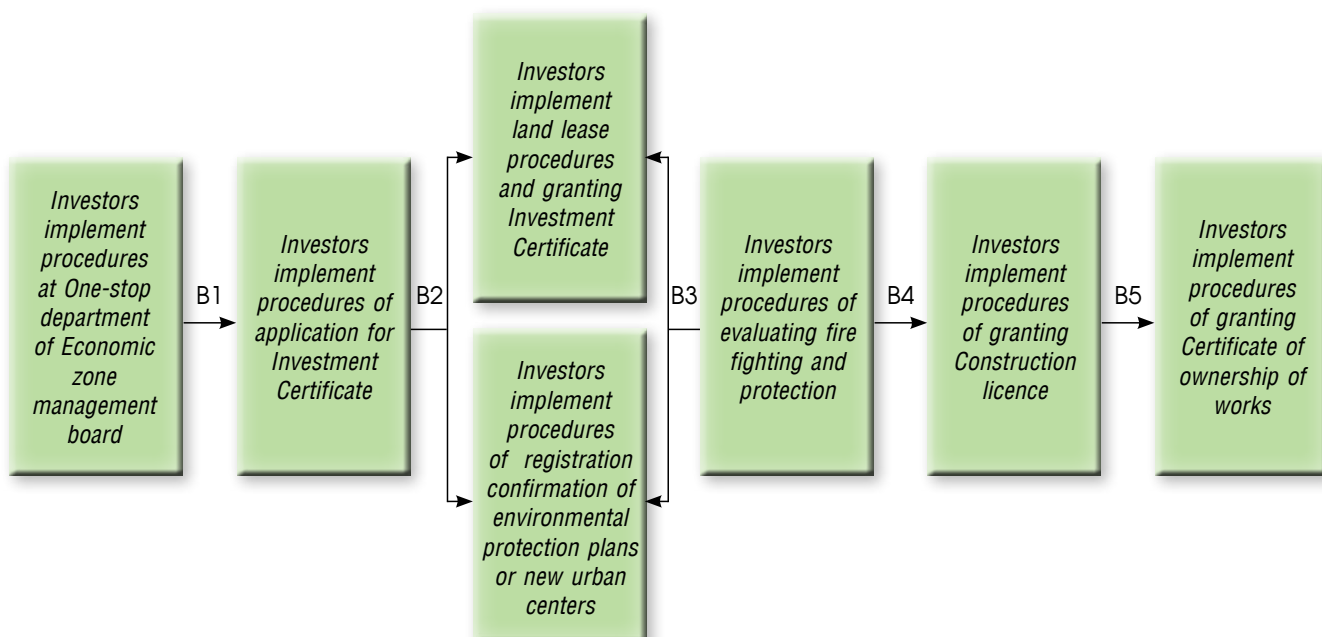
INVESTMENT PROCESS



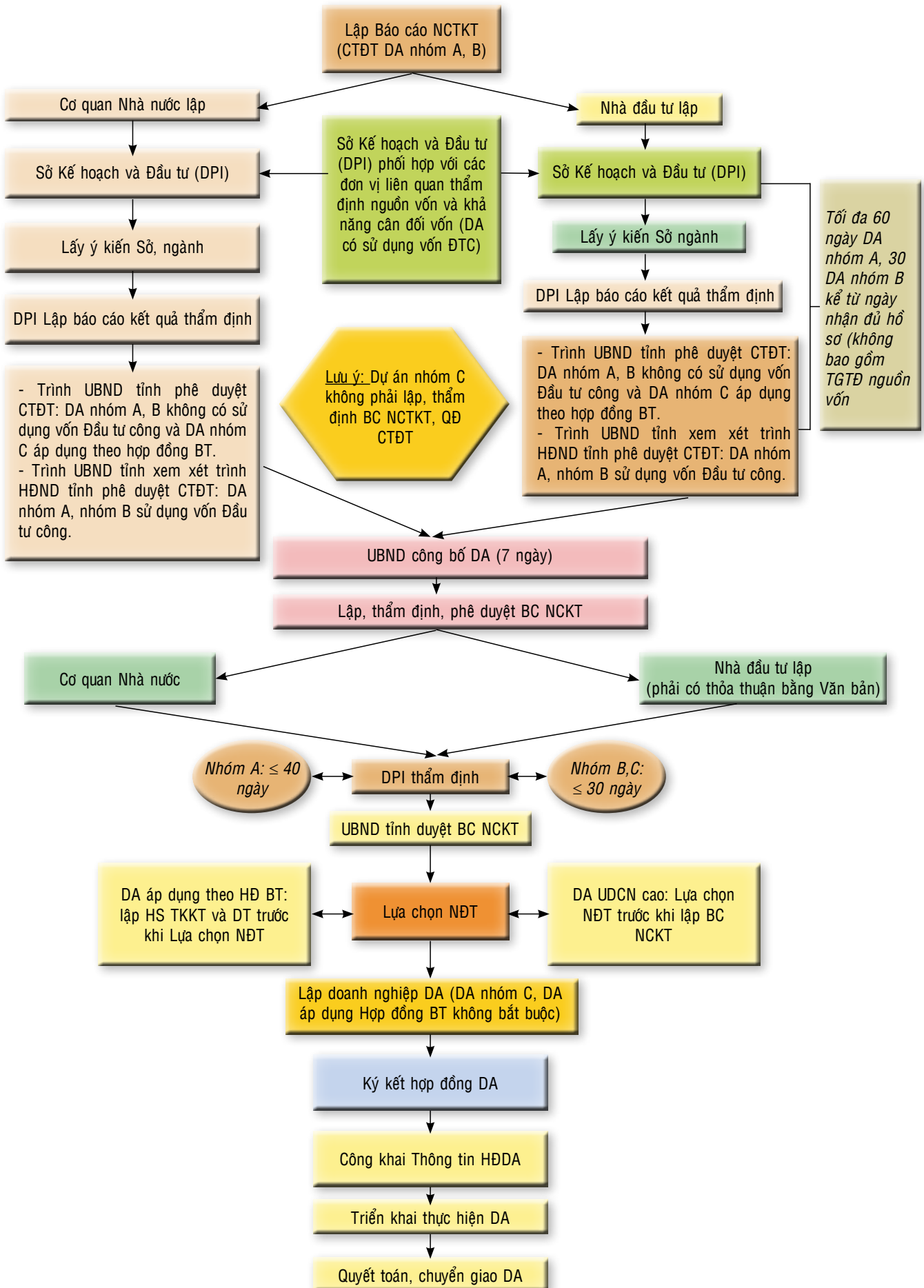
QUY TRÌNH THỰC HIỆN THỦ TỤC ĐẦU TƯ VÀO KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ CỬA KHẨU THỰC HIỆN TẠI BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ



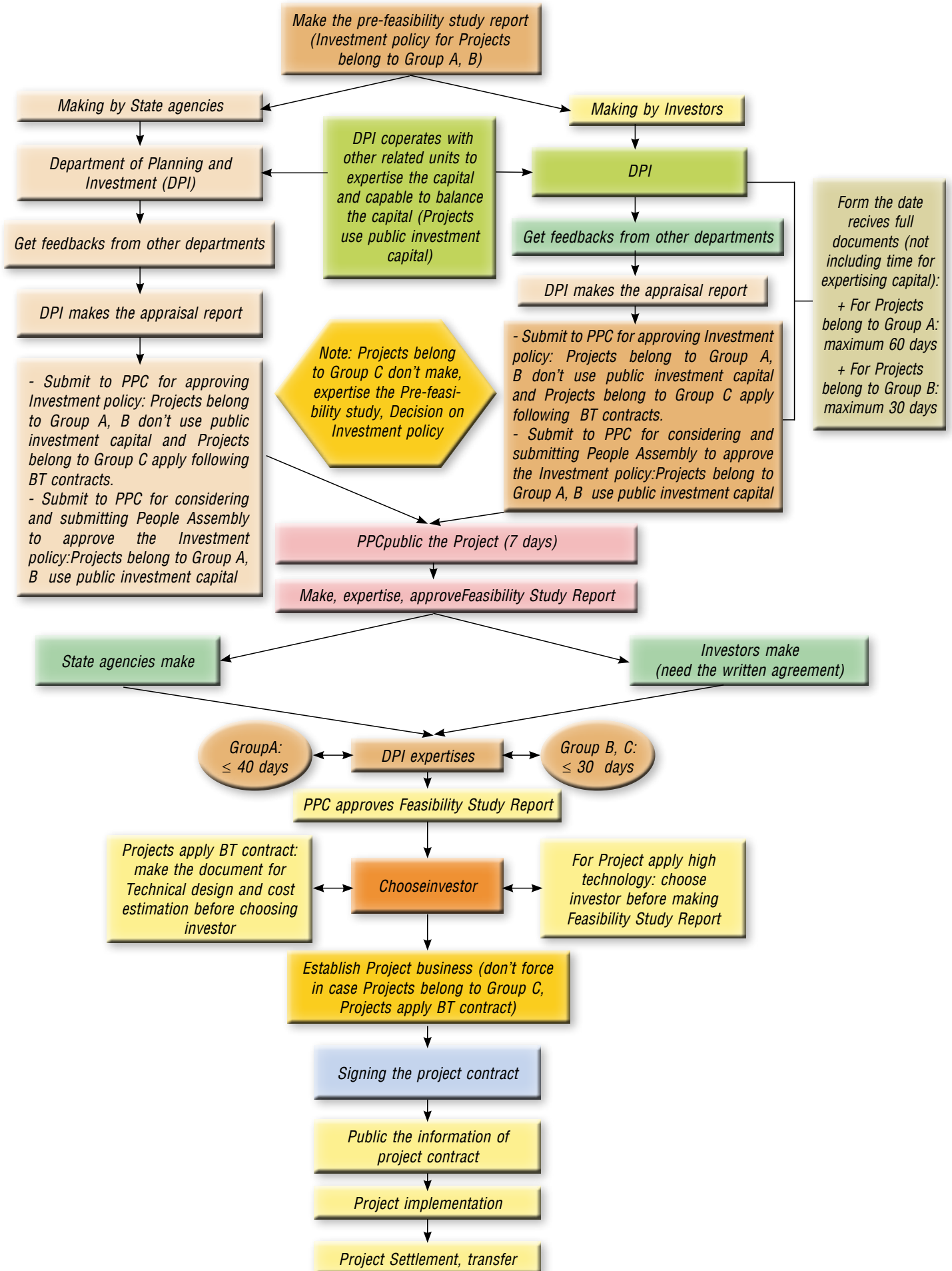
PROCESS OF INPUT PROCEDURES OF INDUSTRIAL ZONES AND BORDER GATE ECONOMIC ZONES IMPLEMENTED IN ECONOMIC ZONE MANAGEMENT BOARD



QUY TRÌNH ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)



THE INVESTMENT PROCESS IN THE FORM OF PUBLIC-PRIVATE PARTNERSHIP (PPP)



ĐỊA CHỈ CẦN THIẾT:

STT	ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ	EMAIL	DIỆN THOẠI	FAX
1	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Số 16C Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	vpubnd@angiang.gov.vn	(0296) 3 854070	(0296) 3 852037
2	Ban Hỗ trợ Doanh nghiệp tỉnh An Giang	Số 16C Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	hotrodoanhnghiep@angiang.gov.vn	(0296) 3 852155	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang	Số 3 Lê Triệu Kiết, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	sokhdt@angiang.gov.vn	(0296) 3 852913	(0296) 3 853380
4	Sở Tài chính An Giang	Số 5/10 Lê Quý Đôn, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	sotaichinh@angiang.gov.vn	(0296) 3 852099	(0296) 3 857278
5	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang	Số 837 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	sotnmt@angiang.gov.vn	(0296) 3 853709	(0296) 3 853217
6	Sở Xây dựng tỉnh An Giang	Số 1 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	soxaydung@angiang.gov.vn	(0296) 3 852105	(0296) 3 856513
7	Sở Công thương tỉnh An Giang	Số 10 Lê Triệu Kiết, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	socongthuong@angiang.gov.vn	(0296) 3 952638	(0296) 3 952694
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang	Số 07 Lê Triệu Kiết, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	sonnptnt@angiang.gov.vn	(0296) 3 852164	(0296) 3 856705
9	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang	Số 14 Lê Triệu Kiết, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	sovhttdl@angiang.gov.vn	(0296) 3 952920	(0296) 3 952755
10	Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh An Giang	Số 2 Đường số 20, Khóm Tây Khánh 1, P. Mỹ Hòa, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	banqlkkt@angiang.gov.vn	(0296) 3 943623	(0296) 3 943623
11	Cục thuế tỉnh An Giang	Số 10 Bùi Văn Danh, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	cucthue@angiang.gov.vn	(0296) 3 847203	(0296) 3 843819
12	Cục Hải quan An Giang	Số 30 Phan Đình Phùng, Phường B, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang	hqangiang@customs.gov.vn	(0296) 3 868678	(0296) 3 867055

* Chỉ đạo xuất bản: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

* Chịu trách nhiệm nội dung: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang

* Đơn vị phối hợp thực hiện: Công ty TNHH MTV Truyền thông Đầu tư và Thương mại Nam Phương (Cần Thơ)

* In tại CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN IN BAO BÌ DHG 1. Giấy phép xuất bản số:/GP-STTTT, do Sở Thông tin và Truyền thông TP. Cần Thơ, cấp ngày tháng năm 2018. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2018.

Contact information

No.	Unit	Address	Email	Phone	Fax
1	An Giang Provincial People's Committee	No. 16C Ton Duc Thang street, My Binh ward, Long Xuyen city, An Giang province	vpubnd@angiang.gov.vn	(0296)3 854070	(0296) 3 852037
2	An Giang Bussiness Supporting Unit	No. 16C Ton Duc Thang street, My Binh ward, Long Xuyen city, An Giang province	hotrodoanhnghiep@angiang.gov.vn	(0296)3 852155	
3	Department of Planning and Investment	No.3, Le Trieu Kiet street, My Binh ward, Long Xuyen city, An Giang province	sokhdt@angiang.gov.vn	(0296)3852913	(0296) 3 853380
4	Department of Finance	No.5/10, Le Quy Don street, My Binh ward, Long Xuyen city, An Giang province	sotaichinh@angiang.gov.vn	(0296)3852099	(0296) 3 857278
5	Department of Natural resources and environment	No.837, Tran Hung Dao street, Binh Khanh ward, Long Xuyen city, An Giang province	sotnmt@angiang.gov.vn	(0296)3 853709	(0296) 3 853217
6	Department of Construction	No.1, Tran Hung Dao street, My Binh ward, Long Xuyen city, An Giang province	soxaydung@angiang.gov.vn	(0296)3 852105	(0296) 3 856513
7	Department of industry and trade	No.10, Le Trieu Kiet street, My Binh ward, Long Xuyen city, An Giang province	socongthuong@angiang.gov.vn	(0296)3 952638	(0296) 3 952694
8	Department of Agriculture and rural development	No.7, Le Trieu Kiet street, My Binh ward, Long Xuyen city, An Giang province	sonnptnt@angiang.gov.vn	(0296)3 852164	(0296) 3 856705
9	Department of Culture, Sport and Toruism	No.14, Le Trieu Kiet street, My Binh ward, Long Xuyen city, An Giang province	sovhttdl@angiang.gov.vn	(0296)3 952920	(0296) 3 952755
10	Economic zone management board	No. 3, Street No.20, My Hoa ward, Long Xuyen city, An Giang province	banqlkkt@angiang.gov.vn	(0296)3 943623	(0296) 3 943623
11	An Giang tax department	No.10, Bui Van Danh street, My Long ward, Long Xuyen city, An Giang province	cucthue@angiang.gov.vn	(0296)3 847203	(0296) 3 843819
12	Department of An Giang customs	No.30, Phan Dinh Phung street, B ward, Chau Doc city, An Giang province	hqangiang@customs.gov.vn	(0296)3 868678	(0296) 3 867055

* Direct in Publication: An Giang Provincial People's Committee

* Take Responsibility for the content: An Giang Department of Planning and Investment

* Coordinated implementation: Nam Phuong Media Investment and Trade One member Company limited

* Printed in DHG 1 Packing Print One member Company limited. Publish Certificate No.../GP-STTTT by Can Tho Department of Information and Communications dated in.....2018.

* Printed and Legal copyright deposited in August 2018.

